

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2025



Hà Nội, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO		3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		4
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2	Khái quát lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường	4
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường	13
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	16
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	19
PHẦN II: GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐIỆN		23
1	Thông tin khái quát về khoa Điện	23
2	Cơ cấu tổ chức	24
3	Thành tích thi đua , khen thưởng	24
4	Địa chỉ liên hệ	25
5	Cơ sở vật chất	25
6	Thông tin về chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	30
PHẦN III: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP		38
1	Tổng quan chung	38
2	Tự đánh giá	39
PHẦN IV: KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		68
PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		71
1	Kết luận	71
2	Kiến nghị	71
PHỤ LỤC		73
1	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	73
2	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	76
3	Bảng mã minh chứng.	81

CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Viết tắt	Từ
Bộ LĐ – TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
Bộ GD – ĐT	Bộ Giáo dục - Đào tạo
BGH	Ban giám hiệu
TCN – CKXD	Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng
HS	Học sinh
KĐCL	Kiểm định chất lượng
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
VCQL	Viên chức quản lý
GV	Giáo viên
CSVC	Cơ sở vật chất
CBCS&KĐCL	Cơ bản cơ sở và kiểm định chất lượng
CBVC	Cán bộ viên chức
CNTT	Công nghệ thông tin
VHVN	Văn hóa văn nghệ
TDTT	Thể dục thể thao
KTX	Ký túc xá
CNH – HĐH	Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường:

- Tiếng Việt: TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG
- Tên Tiếng Anh: Mechanical Constructinon College
- Tên viết tắt của trường: MCC

1.2. Tên ngày đầu thành lập: TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1.3. Tên cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.4. Địa chỉ trường: Số 73 đường Cổ Bi, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội

1.5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: 0243.8767497;
- E-mail: truongcoma@gmail.com; - Website: <https://mcc.molisa.gov.vn>.

1.6. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1999 – Tên trường: Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng

- Năm 2006 – Tên trường: Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

1.7. Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

2.1. Khái quát lịch sử phát triển của trường:

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng được thành lập theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và được nâng cấp thành Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng theo Quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07 tháng 11 năm 2006.

Ngày 18/04/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 16/05/2014 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định 546/QĐ-BXD về việc tiếp nhận Trường TCN-CKXD thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng về trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 25/8/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

Ngày 01/8/2024 Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 1190/QĐ-BLĐTBXH về việc tiếp nhận 10 Trường Cao đẳng, Trường Trung cấp trực thuộc Bộ Xây dựng về trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

Ngày 12/8/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1723/QĐ-TTg ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ:

2.2.1. Chức năng:

Trường TCN-CKXD có chức năng đào tạo nhân lực trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp; đào tạo thường xuyên; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho mọi người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật, khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

2.2.2 Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Xây dựng, trình Bộ chiến lược, kế hoạch phát triển Trường trong từng giai đoạn phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên đối với các ngành, nghề đào tạo của Trường theo quy định của Bộ trưởng.

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi văn bằng, chứng chỉ; quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Liên kết, tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động ở trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức biên soạn và phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu

đối với từng ngành, nghề được cấp phép đào tạo của Trường theo quy định của pháp luật.

- Quản lý người học, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của pháp luật và của Trường.

- Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học; phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; hỗ trợ giải quyết việc làm, khởi nghiệp cho người học theo quy định của pháp luật.

- Tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và công bố công khai kết quả kiểm định.

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ về giáo dục nghề nghiệp; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Huy động vốn, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật và của Bộ.

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

- Thực hiện công tác báo cáo, thống kê theo quy định của pháp luật; xây dựng, quản lý, duy trì cổng thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ công tác đào tạo của nhà trường và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ.

2.3. Thành tích nổi bật của nhà trường.

2.3.1. Phát triển về quy mô đào tạo:

Với những kết quả đã đạt được sau 25 năm xây dựng và phát triển, Trường TCN-CKXD đã đào tạo hàng vạn lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu của Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, ngành Xây dựng, toàn xã hội và xuất khẩu lao động. Kể từ năm 2007 trong bối cảnh khó khăn chung của các trường đào tạo nghề trong công tác tuyển sinh, đào tạo. Với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, Bộ Xây dựng cùng sự nỗ lực vươn lên, khắc phục mọi khó khăn của tập thể VC-NLĐ Nhà trường, trường đã tuyển sinh, đào tạo hàng năm đều vượt chỉ tiêu được giao.

Quy mô đào tạo cụ thể từ năm 2024 đến nay như sau:

Năm	Hệ trung cấp			Hệ sơ cấp			Đào tạo thường xuyên
	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	
2024	1101	323	346	0	118	56	6
2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)	999	309	470	54	77	114	231

Năm 2024, nhà trường thực hiện đào tạo 1424 học sinh hệ trung cấp. Cụ thể như sau:

- Tại trụ sở chính của Trường. Địa chỉ: Số 73 đường CỎ Bi, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội gồm 512 học sinh gồm:

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	27	40	19	19	105
02	Điện tử công nghiệp	26	38	24	40	128
03	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21	38	42	22	123
04	Công nghệ ô tô	32	34	45	45	156
	Tổng cộng	106	150	130	126	512

- Tại các đơn vị liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp

+ Liên kết đặt lớp đào tạo tại Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Giàng. Địa chỉ: Xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng: 606 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	23	57	35	40	155
02	Hàn	57	27	32	20	136
03	Điện tử công nghiệp	116	53	-	-	169
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	43	33	38	32	146
	Tổng cộng	239	170	105	92	606

+ Liên kết đặt lớp đào tạo tại Trung tâm GDNN - GDTX Tứ Kỳ. Địa chỉ: Xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng: 306 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	38	81	69	188
02	Hàn	46	36	36	118
Tổng cộng		84	117	105	306

Năm 2025, Nhà trường tiếp tục đào tạo cho 1308 học sinh hệ trung cấp khóa 24, 25, 26, 27 tại Trường và các đơn vị liên kết đặt lớp đào tạo. Trong đó:

- Tại trụ sở chính của Trường: 488 học sinh.

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	34	13	16	-	63
02	Điện tử công nghiệp	36	19	36	24	115
03	Kỹ thuật ML&ĐHKK	36	40	19	22	117
04	Công nghệ ô tô	33	38	43	40	154
05	Công nghệ thông tin	-	-	-	39	39
Tổng cộng		139	110	114	125	488

- Tại Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Giàng: 409 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	50	33	40	33	156
02	Hàn	23	27	20	-	70
03	Điện tử công nghiệp	49	-	-	-	49
04	Kỹ thuật ML&ĐHKK	31	34	32	37	134
Tổng cộng		153	94	92	70	409

- Tại Trung tâm GDNN-GDTX Tứ Kỳ: 411 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	38	76	69	76	259
02	Hàn	43	35	36	38	152
Tổng cộng		81	111	105	114	411

Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo có một số HS bỏ học không lý do chính đáng, xin thôi học, bảo lưu kết quả học tập, nhà trường đã ra quyết định xóa tên học sinh, cho thôi học, bảo lưu kết quả học tập theo đúng quy định.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu DN đồng thời đào tạo đa cấp, đa ngành phát triển đồng hành cùng DN. Đặc biệt Nhà trường luôn quan tâm đến vấn đề liên kết trong lĩnh vực đào tạo nghề tại các Trung tâm ở các tỉnh lân cận, coi đó như một nhiệm vụ trọng tâm trong việc mở rộng, nâng cao năng lực của trường.

- Công tác liên kết đào tạo giữa các cơ sở GDNN:

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 420 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 676 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Gia Lâm, thành phố Hà Nội tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho 623 học sinh học hệ văn hóa GDTX cấp THPT cho học sinh đang học trung cấp tại trường.

- Công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động: Nhà trường đã thực hiện công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động, liên kết với các Trung tâm xuất khẩu để khai thác có hiệu quả phần cơ sở vật chất đã được đầu tư đồng thời tạo nguồn học sinh đầu vào học ngắn hạn cho nhà trường. Các lớp đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho lao động xuất khẩu được các đơn vị đánh giá cao.

- Liên kết đào tạo giữa các DN:

Năm 2024 và 2025, có nhiều doanh nghiệp tìm đến để phối hợp đào tạo nâng cao cho người lao động như: Công ty TNHH TM và ĐT Phú Hà, Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Goshi Thăng Long, Công ty TNHH nhân lực hàng không Tasseco, Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty Ricoh Việt Nam, Công ty TNHH TSK Việt Nam; Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang; Công ty CP ống đồng Toàn Phát; Công ty CP Nhôm Ngọc Diệp; Công ty TNHH MTV XD&TM Sang Hằng; Công ty TNHH SD Việt Nam; Công ty TNHH MTV Kinh Đô; Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Hà; Công ty Cổ phần xây dựng và khoáng sản Thiên Sơn; Công ty TNHH SG PRECISION.

Nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức tư vấn, tuyển sinh, đào tạo cho 195 học sinh hệ sơ cấp; 236 học sinh đào tạo thường xuyên.

2.3.2 Phát triển nâng cao chất lượng đào tạo:

Trong nhiều năm, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm sát sao và trực tiếp chỉ đạo các công việc, ưu tiên hàng đầu cho nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ phần trăm khá giỏi của HS khi tốt nghiệp ra trường.

**Kết quả xếp loại tốt nghiệp từ năm 2024 đến nay:*

Năm	Tổng số	Kết quả xếp loại tốt nghiệp				Ghi chú
		Giỏi	Khá	TB khá	Trung bình	
2024	346	29	246	70	01	
2025	470	39	341	-	90	

Tập thể viên chức lãnh đạo, quản lý, VC-NLĐ của nhà trường đã xác định được chất lượng đào tạo là sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chính vì vậy mà trong những năm qua, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho GV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ và kiến thức, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao. Tỷ lệ HS của nhà trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và thu nhập ổn định tại các DN ngày càng tăng cao, hiện tại với một số ngành đặc thù về cơ khí nhà trường không có đủ HS đã tốt nghiệp cung cấp cho các đơn vị của ngành Xây dựng và xã hội.

- Đối với GV:

Năm 2024, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải ba, 02 GV đạt giải khuyến khích.

Năm 2025, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải ba, 03 GV đạt giải khuyến khích.

2.3.3 Các biện pháp, giải pháp trong công tác quản lý, cải cách hành chính:

Công tác tổ chức, kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển luôn được BGH Nhà trường chú trọng, quan tâm. Bộ máy tổ chức tương đối hoàn chỉnh, biên chế gọn nhẹ nhưng đảm bảo hiệu quả cao.

Tháng 01/2024 Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định bổ nhiệm 01 viên chức quản lý (Phó trưởng khoa Điện).

Năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ra quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường TCN-CKXD. Trường đã làm thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Dịch vụ việc làm, nộp con dấu của Trung tâm, thực hiện thủ tục đăng ký con dấu, mẫu dấu của Trường tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Hiện tại tổ chức bộ máy của trường theo đúng quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm: Hội đồng trường, 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 03 phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng (trước đây là phòng Kế hoạch – đào tạo), Phòng Tổng hợp và Phòng Tài chính - Kế toán, 03 khoa chuyên môn: Khoa Điện, Khoa Công nghệ kỹ thuật

(trước đây gồm khoa Cơ khí và khoa Gia công nóng) và Khoa Cơ bản cơ sở (trước đây là khoa Cơ bản cơ sở và Kiểm định chất lượng).

Trường đã đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chuyển đổi chức vụ với các vị trí lãnh đạo, lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý của Bộ gồm: chuyển đổi chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, Trưởng Khoa Cơ bản cơ sở; Giao kiêm nhiệm Trưởng khoa Điện đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hòa - Phó Hiệu trưởng và đã được Bộ ra quyết định. Thực hiện xong quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật đề nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ theo quy định và Bộ đã ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. Trường đã thực hiện chuyển đổi chức vụ với 02 đồng chí Phó trưởng khoa Điện, bổ nhiệm Phó Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Tổng hợp.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nhà trường cũng đã áp dụng nhiều giải pháp để đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện sao cho phát huy hết sức mạnh và khả năng lãnh đạo của người quản lý như:

+ Chỉ đạo hoàn thiện đề án tinh giản biên chế để Bộ phê duyệt;

Ngoài ra, còn thành lập các Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; Hội đồng kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng đầu khóa học; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng lương, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng cho thuê tài sản,...

Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tuyển sinh; Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng, khoa trực thuộc Trường; Quy định chế độ làm việc của giáo viên; Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong GDNN,.... phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước.

Chú trọng đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ VCQL, VC-NLĐ.

2.3.4 Các đề tài NCKH và dự án SNKT:

Năm 2024, Trường đã công nhận 01 sáng kiến cấp cơ sở “Cải tiến phương pháp gia công phối tám”. Sáng kiến có nhiều tính mới, hiệu quả và đang được triển khai áp dụng có hiệu quả tại Trường.

2.3.5 Thực hiện các nhiệm vụ khác:

2.3.5.1 Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước:

Sở dĩ nhà trường đạt được những kết quả cao trong công tác đào tạo thể so sánh ngang cùng các trường có bề dày truyền thống là do viên chức lãnh đạo nhà trường đã

xây dựng được một tập thể vững mạnh có tinh thần đoàn kết nhất trí cao trong công tác, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp quy của nhà nước về công tác GDNN, đặc biệt quy chế dân chủ trong Nhà trường thực hiện đúng chủ trương: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Khi có những vướng mắc của VC-NLĐ và HS đều được viên chức lãnh đạo nhà trường giải thích kịp thời theo các văn bản của nhà nước và những chủ trương của Nhà trường, làm cho mọi người càng yêu mến trường, tạo nên không khí sôi nổi trong giảng dạy, học tập.

Các quy chế làm việc, nội quy, quy định của nhà trường dần được sửa đổi, bổ sung và xây dựng hoàn thiện, phù hợp với tình hình thực tế như: Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế bổ nhiệm; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, viên chức, người lao động; Quy chế nâng lương; Quy chế tuyển sinh; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế tiền thưởng; Quy chế ban hành văn bản nội bộ; Hồ sơ quản lý công tác PCCC. Ban hành kèm theo Quyết định: Nội quy PCCC, Nội quy sử dụng điện, Nội quy phòng cháy kho vật tư, Nội quy phòng cháy xưởng sản xuất; ... nhà trường thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng. Ngoài ra còn một số quy định, quy chế khác như: Quy định ra vào cơ quan, Quy định đối với tổ bảo vệ, Quy định đối với giáo viên...

2.3.5.2 Công tác chăm lo đời sống viên chức quản lý, viên chức, người lao động:

Cùng với việc tạo nên những không khí thi đua sôi nổi trong học tập, giảng dạy và công tác nhà trường còn chú ý chăm lo đời sống cho viên chức quản lý, VC-NLĐ. Hàng tháng, tiền lương được thanh toán đúng hạn, các khoản chi thưởng lễ, tết đều được đảm bảo đều, đúng và đủ. Mức thu nhập bình quân năm sau luôn cao hơn năm trước. Cụ thể như sau:

- + Năm 2024 mức thu nhập bình quân: 10.850.000đ đồng/người/tháng.
- + Năm 2025 mức thu nhập bình quân: 13.032.000 đồng/người/tháng.

Hàng năm, tổ chức nhiều đợt tham quan, nghỉ mát cho VC-NLĐ ở các nơi như: Chù Hương (Hà Nội), Sầm Sơn (Thanh Hóa), hoặc hỗ trợ cho VC-NLĐ tự túc đi tham quan, nghỉ mát; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho VC-NLĐ.

Mua đầy đủ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho 100% VC-NLĐ.

Luôn quan tâm, thăm hỏi, động viên kịp thời, thanh toán đầy đủ chế độ cho VC-NLĐ khi ốm đau, hiếu, hỷ.

Động viên kịp thời, minh bạch và công khai VC-NLĐ có thành tích trong công tác, trong lao động sản xuất.

2.3.6. Các hình thức đã được khen thưởng.

2.3.6.1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2025	Đến thời điểm báo cáo Trường chưa thực hiện xét đề nghị danh hiệu thi đua.	

2.3.6.2 Hình thức khen thưởng:

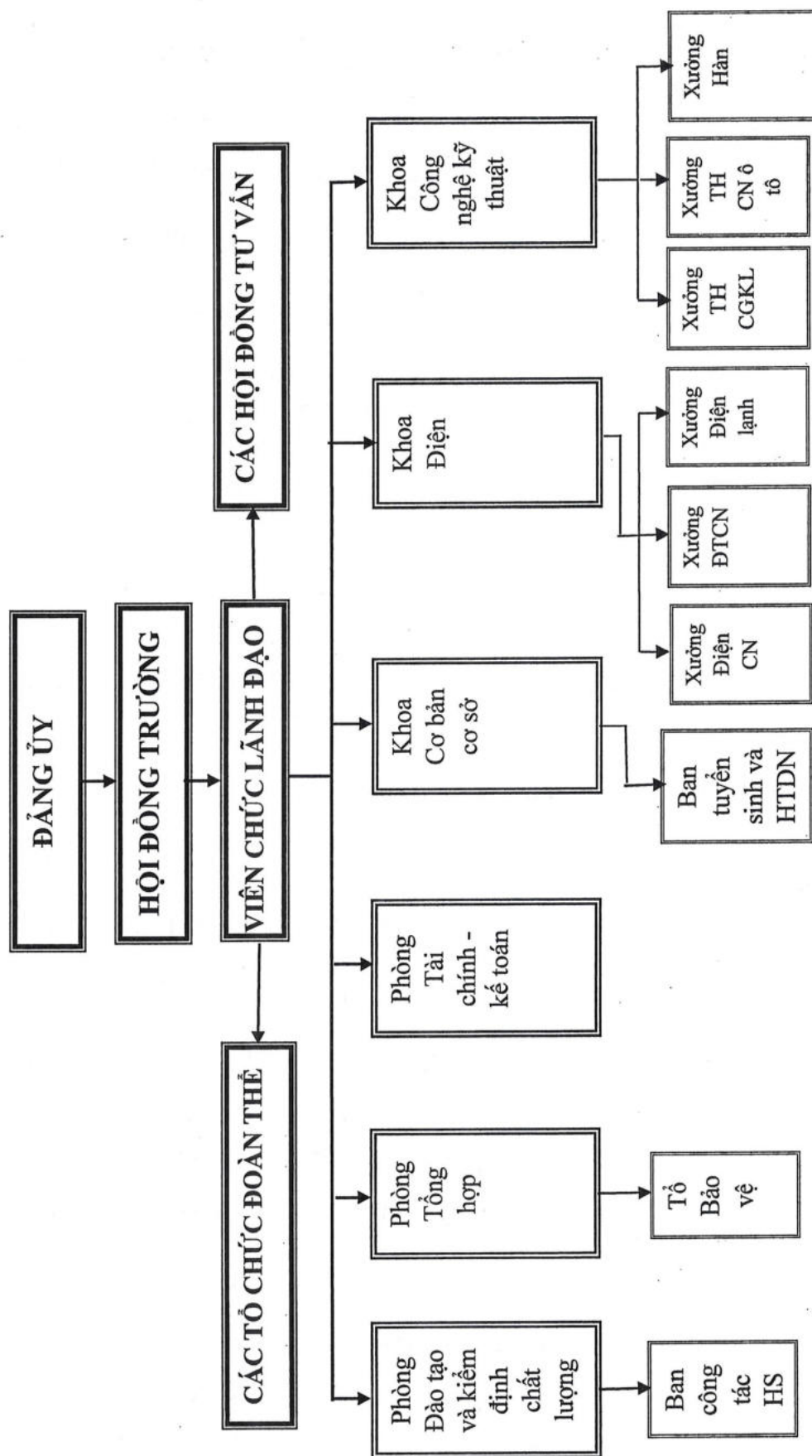
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2024	Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam	Số 551/QĐ-CĐXD ngày 17/10/2024 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam
2024	Bằng khen của BCH Đoàn TNCSHCM Thành phố Hà Nội	Số 1306/QĐ-TĐTN-VP ngày 13/8/2024 của BCH Đoàn TNCSHCM thành phố Hà Nội
2025	Bằng khen của BCH Đoàn TNCSHCM Thành phố Hà Nội	Số 2087/QĐ-TĐTN-VP ngày 05/6/2025 của BCH Đoàn TNCSHCM thành phố Hà Nội

- Năm 2025, Trường chưa thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG
NĂM 2025



3.2. Danh sách viên chức lãnh đạo, quản lý của trường:

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Viên chức lãnh đạo	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Hiệu trưởng
	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Cử nhân KH	Phó Hiệu trưởng
2. Hội đồng trường	Nguyễn Đình Nhâm	1978	Ths. SPKT	Chủ tịch Hội đồng trường
	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Thành viên Hội đồng trường
	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Ths. KT	Thành viên Hội đồng trường
	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Thành viên Hội đồng trường
	Cù Thị Thùy Dương	1980	Ths. QTKD	Thư ký Hội đồng trường
	Trương Thị Mai Trang	1984	Cử nhân KT	Thành viên Hội đồng trường
	Phạm Hải Hà	1975	Thành viên Hội đồng trường	
3.2.1. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng bộ Trường	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Bí thư Đảng ủy
	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Phó Bí thư Đảng ủy
Chi bộ 1	Nguyễn Đình Khải	1980	CN Tiếng Anh sư phạm	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Ths. KT	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Trịnh Thị Hồng Vân	1969	Ths. QTKD	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Đình Nhâm	1978	Ths. SPKT	Bí thư Chi bộ
Công đoàn	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn TN	Trương Thị Mai Trang	1984	Cử nhân KT	Bí thư ĐTN CSHCM
3.2.2. Viên chức quản lý các phòng chức năng				
Phòng Tổng hợp	Cù Thị Thùy Dương	1980	Ths. QTKD	Trưởng phòng
	Đào Văn Tiên	1969	Ths. QTKD	Phó Trưởng phòng

Phòng ĐT&KĐCL	Vũ Thị Phước	1984	Ths. KT	Trưởng phòng
Phòng TC-KT	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Trưởng phòng
3.2.3. Viên chức quản lý các khoa				
Khoa Công nghệ kỹ thuật	Đỗ Tuấn Nghĩa	1973	Ths. KT	Trưởng khoa
	Đoàn Tăng Thi	1978	Cử nhân SPKT	Phó Trưởng khoa
Khoa Điện	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Ths. KT	Kiểm nhiệm Trưởng khoa
	Nguyễn Văn Huân	1993	Ths. KT	Phó Trưởng khoa
	Nguyễn Văn Ngọc	1988	Kỹ sư điện dân dụng và công nghiệp	Phó Trưởng khoa
Khoa Cơ bản cơ sở	Nguyễn Đình Khải	1980	CN Tiếng Anh sư phạm	Trưởng khoa

3.3. Tổng số viên chức và người lao động của trường

* Thống kê số lượng VC-NLĐ của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	VC-NLĐ thực tế	26	24	50
2	Viên chức làm việc	22	21	43
3	Hợp đồng lao động	04	03	07

* Đội ngũ giáo viên: Thống kê số lượng giáo viên của nhà trường.

Tổng số giáo viên: 49, trong đó: Nam: 29, Nữ: 20

STT	Trình độ	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng
		Tổng số GV trực tiếp giảng dạy	Trong đó:	
			Số lượng GV kiêm nhiệm làm VCQL	
1	Thạc sỹ	16	06	05
2	Đại học	11	03	11
3	Cao đẳng	0	0	0
4	Trình độ khác	06	0	0
Tổng số		33	09	16

4. Nghề đào tạo và qui mô đào tạo của nhà trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của nhà trường theo Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đã được cấp:

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	290
2	Hàn	5520123	Trung cấp	270
3	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	150
4	Điện dân dụng	5520226	Trung cấp	50
5	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	175
6	Nguội lắp ráp cơ khí	5520127	Trung cấp	100
7	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	5520205	Trung cấp	140
8	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	50
9	Máy thời trang	5540205	Trung cấp	105
10	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp	70
11	Công nghệ thông tin	5480201	Trung cấp	70
12	Sửa chữa ô tô		Sơ cấp	50
13	Hàn điện		Sơ cấp	60
14	Hàn MAG/MIG		Sơ cấp	20
15	Hàn TIG		Sơ cấp	15
16	Hàn tự động		Sơ cấp	15
17	Hàn hơi		Sơ cấp	20
18	Hàn áp lực		Sơ cấp	20
19	Tiện		Sơ cấp	10
20	Phay		Sơ cấp	5
21	Bào		Sơ cấp	5
22	Khoan		Sơ cấp	10
23	Tiện CNC		Sơ cấp	10
24	Phay CNC		Sơ cấp	10
25	Điện dân dụng và công nghiệp		Sơ cấp	50

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
26	Điện tử		Sơ cấp	30
27	Điện lạnh		Sơ cấp	30
28	Nguội sửa chữa		Sơ cấp	20
29	Gò		Sơ cấp	20
30	Đúc		Sơ cấp	20
31	Sửa chữa, vận hành máy xây dựng		Sơ cấp	20
32	Vận hành cần trục, cổng trục có tải trọng đến 10 tấn		Sơ cấp	30
33	Vận hành máy khoan cọc nhồi		Sơ cấp	40
34	Vận hành máy đóng cọc		Sơ cấp	40
35	Vận hành máy ủi		Sơ cấp	40
36	Vận hành máy san		Sơ cấp	40
37	Vận hành máy xúc		Sơ cấp	40
38	Vận hành trạm trộn, máy bơm bê tông		Sơ cấp	40
39	Vận hành máy nâng hàng		Sơ cấp	40
40	Nề hoàn thiện		Sơ cấp	40
41	Cấp thoát nước		Sơ cấp	40

4.2. Các nghề đào tạo:

Số lượng nghề đào tạo trung cấp: 11 nghề

Số lượng nghề đào tạo sơ cấp: 30 nghề

4.3. Số lượng tuyển sinh trong 02 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
1	Trung cấp	323	309
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	124	308
Tổng cộng		447	616

*Số lượng tuyển sinh trung cấp:



TT	Tên nghề đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến thời điểm báo cáo)
01	Điện công nghiệp	128	109
02	Hàn	55	38
03	Điện tử công nghiệp	40	24
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	55	59
05	Công nghệ ô tô	45	40
06	Công nghệ thông tin	-	39
Tổng cộng		323	309

4.4 Thống kê số lượng HS tốt nghiệp trong 02 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
1	Trung cấp	346	470
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	62	343
Tổng cộng		408	813

- Số lượng cụ thể như sau:

**Số lượng học sinh tốt nghiệp trung cấp:*

TT	Tên nghề đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến thời điểm báo cáo)
01	Điện công nghiệp	50	193
02	Hàn	57	96
03	Điện tử công nghiệp	142	83
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	64	65
05	Công nghệ ô tô	32	33
06	May thời trang	01	-
Tổng cộng		346	470

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích: 6.182m^2

+ Diện tích xây dựng: 5.392m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 790m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)
1	Khu hiệu bộ	1185	1185
2	Phòng học lý thuyết	1260	1260
3	Xưởng thực hành	840	840
4	Khu phục vụ	-	-
4.1	Thư viện	60	60
4.2	Ký túc xá	1622	1622
4.3	Hội trường tầng 2	90	90
	Hội trường tầng 3	150	150
4.4	Văn phòng tuyển sinh	30	30
4.5	Phòng y tế	30	30
4.6	Nhà ăn	360	360
4.7	Nhà kho	40	40
4.8	Nhà bảo vệ	20	20
4.9	Nhà vệ sinh công cộng	380	380
4.10	Khu thể thao	200	200
4.11	Nhà để xe	200	200
Tổng		6.467	6.467

Trụ sở chính đặt tại số 73 đường Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội với tổng diện tích đất sử dụng 6.182m^2 . Trong đó diện tích xây dựng: 5.392m^2 bao gồm:

- Khu giảng đường: với tổng số 20 phòng học, diện tích $60\text{m}^2/\text{phòng}$, tổng diện tích xây dựng là 1260m^2 .

- Khu học thực hành:

Tổng diện tích xây dựng: 840m^2

+ Xưởng thực hành Cơ khí Hàn

diện tích 300m^2

+ Xưởng thực hành Điện dân dụng

diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện tử

diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện công nghiệp

diện tích 80m^2

- + Xưởng thực hành Điện lạnh diện tích 60m²
- + Xưởng thực hành Công nghệ ô tô diện tích 220m²
- + Khu hiệu bộ: diện tích 1185m²

- Khu phục vụ: Tổng diện tích 3182m²

- + Thư viện với 30 chỗ ngồi và 1.500 đầu sách có diện tích: diện tích 60m²
- + Khu thể thao: diện tích 200m²
- + Phòng y tế đang sử dụng: diện tích 30m²

+ Ký túc xá: 01 dãy nhà 4 tầng tổng số 25 phòng ở tổng diện tích: 1.372m² và 01 dãy nhà cấp 4 với 9 phòng ở khép kín với tổng diện tích 250m². Hiện tại có thể đáp ứng 60% học sinh có nhu cầu ở nội trú.

- + Nhà ăn: diện tích 360m²
- + Nhà kho: diện tích 40m²
- + Hội trường tầng 2: diện tích 90m²
- + Hội trường tầng 3: diện tích 150m²
- + Văn phòng tuyển sinh diện tích 30m²
- + Nhà bảo vệ: diện tích 20m²
- + Nhà vệ sinh công cộng: diện tích 380m²
- + Nhà để xe: diện tích 200m²

+ Các hạng mục khác: Hàng rào xung quanh trường, hệ thống cấp điện chung, hệ thống cấp nước sạch dùng trong sinh hoạt chung.

5.3. Tổng số máy tính trong nhà trường: 47 máy tính

5.4. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1.500 đầu sách

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 02 năm trở lại đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
I	TỔNG THU	15.250	24.185
A	Kinh phí Ngân sách cấp	14.253	22.751
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	6.774	6.679
2	Thu ngân sách cấp bù học phí	6.600	15.823
3	Thu đề tài nghiên cứu khoa học	0	0

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
4	Đề tài sự nghiệp kinh tế	0	0
5	Kinh phí cải tạo, sửa chữa	0	0
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	0
7	Kinh phí cải cách tiền lương	673	0
8	Kinh phí tiền thưởng	206	249
B	Thu hoạt động sự nghiệp	997	1.434
1	Thu học phí	160	146
2	Thu hoạt động sự nghiệp khác	316	827
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	521	461
II	TỔNG CHI	15.003	23.893
A	Chi kinh phí Ngân sách cấp	14.253	22.751
1	Chi từ nguồn kinh phí thường xuyên	6.774	6.679
2	Chi kinh phí cấp bù học phí	6.600	15.823
3	Chi đề tài NCKH, SNKT	0	0
4	Chi cải tạo, sửa chữa	0	0
5	Chi dự án SNKT	0	0
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	0
7	Kinh phí cải cách tiền lương	673	0
8	Kinh phí tiền thưởng	206	249
B	Chi từ nguồn thu hoạt động tại đơn vị	750	1.142
1	Chi từ nguồn thu học phí	160	146
2	Chi hoạt động sự nghiệp khác	316	628
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	274	368
III	Chênh lệch thu, chi	247	292

3
NGH
1
NG

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ KHOA ĐIỆN

1. Thông tin khái quát về khoa Điện

1.1. Chức năng, nhiệm vụ:

a. Chức năng

Khoa Điện có chức năng đào tạo, bồi dưỡng các trình độ trung cấp, sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho người học theo kế hoạch được phân công, theo nhu cầu của các tổ chức, cá nhân.

b. Nhiệm vụ

Khoa Điện trực thuộc Trường có nhiệm vụ sau:

- Quản lý giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức và người học thuộc khoa, bộ môn theo phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo, bao gồm:
 - + Xây dựng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc khoa, bộ môn mình quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao.
 - + Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô – đun, tín chỉ liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô – đun, tín chỉ của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.
 - + Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của Nhà trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.
 - + Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
 - + Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa, bộ môn;
- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho GV, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và người lao động thuộc khoa, bộ môn;

- Tổ chức đánh giá GV, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa, bộ môn và tham gia đánh giá các bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa, bộ môn;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Hiệu trưởng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

1.2. Đào tạo nghề

- Hệ Trung Cấp:

+ Điện công nghiệp.

+ Điện tử công nghiệp

+ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

- Hệ Sơ cấp:

+ Điện công nghiệp.

+ Điện dân dụng và công nghiệp.

+ Điện tử công nghiệp

+ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

2. Cơ cấu tổ chức:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Hòa	Phó hiệu trưởng kiêm nhiệm trưởng khoa	Thạc sĩ	
2	Nguyễn Văn Huân	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	
3	Nguyễn Văn Ngọc	Phó Trưởng khoa	Đại học	
4	Lê Văn Phong	Giáo viên	Thạc sĩ	
5	Bùi Như Hồng	Giáo viên	Thạc sĩ	
6	Phạm Hương Quỳnh	Giáo viên	Thạc sĩ	
7	Nguyễn Tiến Dũng	Giáo viên	Thạc sĩ	
8	Bùi Gia Huy	Giáo viên	Thạc sĩ	
9	Dương Văn Khánh	Giáo viên	Đại học	

3. Thành tích thi đua, khen thưởng:

Tập thể GV Khoa Điện liên tục trong nhiều năm liền được nhận các Giấy khen của Bộ và Nhà trường ... về phong trào thi đua dạy tốt học tốt.

Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành
-----	-------------------	---

		quyết định
2024	Tập thể lao động tiên tiến	QĐ số 166/ QĐ –MCC ngày 17/12/2024
2024	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 254/ QĐ –BLĐTBXH ngày 06/02/2025
2025	Chưa họp xét đánh giá	

Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2024	Giấy khen	QĐ số 168/ QĐ –MCC ngày 17/12/2024

- Thành tích GV:

+ Năm 2024: 03 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường

+ Năm 2025: 04 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường

4. Địa chỉ liên hệ:

- Email: halinh2006.hd@gmail.com

5. Cơ sở vật chất

5.1. Hạng mục, công trình do Khoa quản lý:

TT	Tên phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Xưởng thực hành/tích hợp nghề Điện công nghiệp	180	
2	Xưởng thực hành/tích hợp nghề Điện tử công nghiệp	180	
3	Xưởng thực hành/tích hợp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	120	

5.2. Trang thiết bị do Khoa quản lý:

STT	Tên các trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Mô hình khởi động và điều khiển máy điện tự làm	Bộ	1	
2	Mô hình thiết bị tự làm (Kèm danh mục)	Bộ	1	
3	Ca bin thực hành điện dân dụng	Bộ	4	
	Gồm các thiết bị: Quạt trần	Cái	1	
	Chuông điện	Cái	1	
	Đèn ốp trần	Cái	1	

	Quạt gió	Cái	1	
	Công tơ điện	Cái	1	
	Tủ chống cháy	Cái	1	
	Át tô mát 2 pha	Cái	1	
	Đèn sợi đốt	Cái	1	
	Đế nổi	Cái	1	
	Hạt công tắc (3 cực, 1 cực)	Cái	1	
	Mặt 3 lỗ công tắc	Cái	1	
	Đèn zơ le thời gian	Cái	1	
	Cầu đấu 4	Cái	1	
4	Bàn thực hành điện công nghiệp (44 danh mục kèm theo)	Bộ	8	
5	Mô hình bàn là	Bộ	2	
6	Mô hình ấm đun nước siêu tốc	Bộ	2	
7	Mô hình quạt bàn	Bộ	2	
8	Mô hình quạt trần	Bộ	2	
9	Mô hình máy khoan tay	Bộ	2	
10	Mô hình máy say sinh tố	Bộ	2	
11	Mô hình máy sấy tóc	Bộ	2	
12	Mô hình nồi cơm điện	Bộ	2	
13	Mô hình máy bơm nước	Bộ	1	
14	Mô hình thực hành lò vi sóng (Kèm theo)	Bộ	4	
15	Mô hình thực hành bếp từ (Kèm theo)	Bộ	4	
16	Mô hình phân phối và đo đếm điện năng	Cái	1	
17	Bộ thực hành PLG - S7-200	Bộ	2	
18	Bộ lập trình PLG - LoGo	Bộ	1	
19	Bàn thực hành điều khiển động cơ	Bộ	1	
20	Bàn thực hành PLC	Bộ	3	
21	Máy tính lập trình điều khiển thương hiệu	Cái	3	

	việt nam			
22	Bộ điều khiển tốc độ động cơ	Bộ	3	
23	Ca bin thực tập lắp đặt máy lạnh và điều hòa không khí	Bộ	2	
24	Tủ phân phối điện 3 pha	Bộ	1	
25	Bộ thực hành điện tử cơ bản	Bộ	2	
26	Mô hình điều khiển động cơ Servo (Kèm 1 bộ máy tính bàn)	Bộ	1	
27	Bàn thực hành điện tử công suất	Bộ	2	
28	Mô hình máy phát điện 1 chiều	Bộ	1	
29	Mô hình máy phát động cơ	Bộ	1	
30	Động cơ điện vạn năng	Bộ	1	
31	Mô hình dàn trải máy giặt	Bộ	1	
32	Động cơ không đồng bộ 3 pha rô tô dây quấn	Cái	1	
33	Máy chiếu đa năng+ màn chiếu điều khiển điện	Cái		
34	Mô hình máy nén khí pitong	Bộ	1	
35	Mô hình máy nén khí Roto	Bộ	1	
Công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa				
1	Máy tạo xung LW 1641	Bộ	1	
2	Đồng hồ đo thông mạch	Cái	3	
3	Công tắc tơ trắng các loại	Cái	10	
4	Công tắc hành trình	Cái	4	
5	Rơ le nhiệt các loại	Cái	5	
6	Rơ le thời gian	Cái	3	
7	Rơ le điện áp	Cái	3	
8	Rơ le quá dòng	Cái	2	
9	Đế Rơ le điện áp	Cái	4	
10	Rơ le trung gian các loại	Bộ	20	
11	Đế Rơ le thời gian	Bộ	5	
12	Nút bấm đơn	Bộ	5	

13	Nút bấm kép	Bộ	6	
14	Máy biến áp 220V -110	Cái	5	
15	Máy biến áp 1 pha	Cái	2	
16	Công tắc chuyển mạch	Cái	1	
17	Công tắc chuyển mạch vôn	Cái	1	
18	Mega ôm	Cái	1	
19	Đồng hồ đo điện (Công tơ)	Cái	3	
20	Rơ le phao	Cái	15	
21	Bộ đèn huỳnh quang 60cm	Bộ	1	
22	Máy quần chỉ thị số	Cái	2	
23	Máy quần chỉ thị kim		2	
24	Đồng hồ đo tốc độ cơ	Cái	1	
25	Vôn kế xoay chiều các loại	Cái	10	
26	Ampe kế xoay chiều	Cái	8	
27	Ato mát 3 pha các loại	Cái	4	
28	Ato mát 1 pha các loại	Cái	5	
29	Atomat 100A	Cái	1	
30	Atomat 200A	Cái	3	
31	Atomat 400A	Cái	1	
32	Động cơ KĐB 3 pha 1 cặp tốc độ	Cái	1	
33	Động cơ KĐB 3 pha 2 cặp tốc độ Y/YY	Cái	2	
34	Động cơ KĐB 3 pha Roto dây quấn	Cái	1	
35	MBA 1 pha 2 trụ	Cái	2	
36	MBA 1 pha	Cái	1	
37	Động cơ 3 Pha	Cái	1	
38	Vỏ động cơ	Cái	17	
39	Công tắc điều chỉnh điện áp	Cái	4	
40	Vỏ máy Biến áp 450mA	Cái	8	
41	Đo điện áp xoay chiều, 1 chiều	Cái	1	



42	Đồng hồ đo dòng điện 1 chiều loại to	Cái	1	
43	Aptomat 3 pha loại to 150A	Cái	1	
44	Lõi và Gông máy biến áp	Bộ	10	
45	Stato quạt dùng để quạt	Cái	4	
46	Mỏ hàn xung	Cái	2	
47	Tay cầm cửa sắt	Cái	1	
48	Kim bấm cos(to 2+ nhỡ 9 +nhỏ 8)	Cái	19	
49	Khoan bê tông (FEG)	Cái	1	
50	Máy khoan tay	cái	3	
51	Máy bơm hút chân không	Cái	1	
52	Bộ điều hòa LG(Hồng làm mô hình HSTT)	Bộ	1	
53	Máy chiếu (Hong làm mô hình HSTT)	Bộ	1	
54	Bộ lọc ống	Bộ	2	
55	Súng chày nhựa	Cái	1	
56	Bộ đồng hồ nạp đo gas	Bộ	1	
57	Vam mở động cơ to	Cái	1	
58	Bộ lục lăng các cỡ	Cái	5	
59	Búa	Cái	2	
60	Hút thiếc	Cái	5	
61	Cle các cỡ	Bộ	3	
62	Mỏ lết to	Cái	1	
63	Cân đồng hồ	Cái	1	
64	Cầu đấu nhựa	Cái	3	
65	Cầu đấu 15 A - 12 mắt	Cái	10	
66	Cầu đấu 50A , 60A	Cái	2	
67	Cầu đấu đôi	Cái	25	
68	Lõi thép tự ngẫu	Cái	20	
69	Bảng điện nhựa to 20x25	Cái	14	
70	Hạt công tắc đơn	Cái	10	

71	Role điện áp loại cơ	Cái	1	
72	Role dòng loại cơ	Cái	1	
73	Role tốc độ loại cơ	Cái	3	
74	Đồng hồ vạn năng loại số	Cái	1	
75	Ampe kim loại số	Cái	1	
76	Bảng chống lóa	Cái	1	
77	Tủ sắt 4 cánh	Cái	2	
78	Tủ sắt 6 cánh	Cái	2	
79	Quạt trần	Cái	2	
80	Lioa 0.5KVA	Cái	2	
81	Hộp đựng linh kiện(nhựa)	Cái	13	
82	Hộp đựng linh kiện(Sắt)	Cái	10	
83	Máy thổi hơi nóng	Cái	2	
84	Thang nhôm	Cái	1	
85	Vỏ động cơ 3 pha + Roto	Cái	3	
86	Động cơ 3 pha 1 cấp tốc độ	Cái	2	
87	Động cơ 3 pha 2 cấp tốc độ	Cái	2	
88	Kéo	B	10	
89	Kìm mỏ bằng	B	8	
90	Kìm mỏ nhọn	Cái	6	
91	Kìm cắt dây	Cái	6	
92	Kìm tuốt dây	Cái	8	
93	Cưa sắt	Cái	4	
94	Kìm cắt chân linh kiện	Cái	4	
95	Tuốc nơ vít các loại	B	34	
96	Bình ga RS22	Cái	1	

6. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí:

Ban hành Kèm theo Quyết định số: 71/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

Tên nghề : Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
Mã nghề : 5520205
Trình độ đào tạo : Trung cấp
Hình thức đào tạo : Áp dụng cho các hình thức đào tạo theo quy định hiện hành
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên
Thời gian đào tạo : 02 năm

Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở có thể học thêm khối lượng kiến thức các học phần văn hóa quy định tại Thông tư 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGHỀ ĐÀO TẠO

Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp là nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí như: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí;

Những nhiệm vụ chính của nghề là: lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp với khách hàng.

Môi trường làm việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thường có độ cao thay đổi, tiếp xúc với các thiết bị điện, thiết bị áp lực đòi hỏi độ tập trung và kỹ năng chuyên ngành cao.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.665 giờ (tương đương 59 tín chỉ).

6.2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

6.2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực hành nghề tương xứng với trình độ trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

6.2.2. Mục tiêu cụ thể

6.2.2.1. Kiến thức:

a. Kiến thức chung

- Có hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; nắm vững các quy phạm, pháp luật của Nhà nước; chủ động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;
- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

b. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích được đặc điểm kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các thiết bị điện, lạnh, các thiết bị điện tử cơ bản trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí thông dụng;
- Nhận biết được đặc điểm, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí thông dụng;
- Trình bày được phương pháp vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt sửa chữa, kiểm tra, thay thế thiết bị trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí thông dụng;
- Phân tích được tình hình chuyên ngành máy lạnh và điều hoà không khí trong thực tiễn và tương lai gần;
- Có khả năng bố trí nơi làm việc khoa học, an toàn;
- Biết các phương pháp sơ cứu người bị nạn trong điện giật, bỏng lạnh, rơi ngã từ trên cao xuống.

6.2.2.2. Kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

- Nhận biết, kiểm tra, đánh giá tình trạng, lắp đặt và thử nghiệm được các thiết bị điện, lạnh và các thiết bị điện tử cơ bản trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí thông dụng;
- Lắp đặt được, vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa, thay thế thiết bị trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí thông dụng;
- Sử dụng thành thạo các thiết bị nghề một cách an toàn; biết sơ cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra;
- Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn;
- Có khả năng tự cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ phù hợp công việc, khả năng giải quyết các vấn đề công nghệ (trong phạm vi cho phép theo quy định), vận dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, sử dụng thông tin khoa học để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể trong thiết kế, cải tiến, sửa chữa, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị trong nghề do yêu cầu thực tiễn sản xuất đặt ra.

b. Kỹ năng mềm:

- Có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hiệu quả theo nhóm;

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm tự nâng cao trình độ, thích nghi với sự phát triển của xã hội;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của nghề.

6.2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

6.3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ;
- Vận hành hệ thống máy lạnh;
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh;
- Sửa chữa hệ thống lạnh;
- Bảo hành hệ thống lạnh;
- Sửa chữa mạch điện điều khiển cho hệ thống lạnh.

6.4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1665 giờ/62 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 22.
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/11 tín chỉ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1410 giờ/51 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 422 giờ; Thực hành, thực tập: 1130 giờ; Thi/Kiểm tra: 113 giờ.

6.5. TỔNG HỢP CÁC NĂNG LỰC CỦA NGHỀ

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị

2	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức pháp luật
3	NLCB-03	Duy trì sức khỏe
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản và chuyên ngành
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Thực hiện các biện pháp an toàn khi làm việc
8	NLCL-02	Sử dụng dụng cụ cầm tay
9	NLCL-03	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra
10	NLCL-04	Xanh hóa trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
11	NLCL-05	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
12	NLCL-06	Công tác chuẩn bị
13	NLCL-07	Lắp đặt hệ thống lạnh dân dụng hoàn chỉnh
14	NLCL-08	Lắp đặt quầy lạnh
15	NLCL-09	Lắp đặt hệ thống đường ống môi chất lạnh
16	NLCL-10	Thử bền, thử kín hệ thống
17	NLCL-11	Hút chân không hệ thống
18	NLCL-12	Lắp đặt hệ thống điện
19	NLCL-13	Nạp môi chất lạnh cho máy lạnh dân dụng và điều hòa không khí dân dụng
20	NLCL-14	Bảo trì hệ thống lạnh
III	Năng lực nâng cao	
21	NLNC-01	Chạy thử máy lạnh dân dụng và điều hòa không khí dân dụng
22	NLNC-02	Điều chỉnh các thông số kỹ thuật máy lạnh dân dụng và điều hòa không khí dân dụng
23	NLNC-03	Nghiệm thu và bàn giao máy lạnh dân dụng và điều hòa không khí dân dụng
24	NLNC-04	Tính toán thiết kế hệ thống lạnh và điều hòa không khí dân

		dụng
25	NLNC-05	Tìm và xử lý lỗi hệ thống lạnh và điều hòa không khí dân dụng

6. 6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thảo luận/ bài tập	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	51	1410	328	982	100
II.1	Môn học cơ sở bắt buộc	13	195	121	50	24
MH07	An toàn lao động Điện - Lạnh	2	30	18	8	4
MH08	Cơ sở kỹ thuật điện	2	30	18	8	4
MH09	Vẽ kỹ thuật điện	2	30	18	8	4
MH10	Điện cơ bản	3	45	29	10	6
MH11	Cơ sở kỹ thuật Nhiệt - Lạnh và điều hoà không khí	4	60	38	16	6
II.2	Môn học thực hành chuyên môn	17	510	104	366	40
MH12	Thực hành vận hành và sửa chữa máy điện	4	120	26	86	8
MH13	Thực hành đo lường Điện - Lạnh	1	30	8	18	4
MH14	Thực hành nhận biết lạnh cơ bản	3	90	20	62	8
MH15	Thực hành lắp đặt sửa chữa và bảo	5	150	28	111	11

	đường hệ thống máy lạnh dân dụng					
MH16	Thực hành lắp đặt hệ thống điều hoà không khí Chiller	4	120	22	89	9
II.3	Mô đun chuyên môn	14	420	87	303	30
MĐ17	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	180	37	131	12
MĐ18	Trang bị điện	4	120	24	88	8
MĐ19	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	120	26	84	10
II.4	Các môn học thực hành tự chọn bắt buộc (Chọn 1 trong 2 môn học)	2	60	16	38	6
MH20	Thực hành nguội	2	60	16	38	6
MH21	Thực hành hàn	2	60	16	38	6
II.5	Các mô đun tự chọn bắt buộc (Chọn 1 trong 2 mô đun)	5	225	0	225	0
MĐ22	Thực tập cơ sở	5	225	0	225	0
MĐ23	Bài tập lớn	5	225	0	225	0
	Tổng cộng	62	1665	422	1130	113

6.7. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

6.7.1. Nội dung và thời lượng học tập các môn học chung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.7.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hoạt động đào tạo	Số tuần thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1. Sinh hoạt đầu khóa	02	
2. Thi tốt nghiệp	03	
4. Hoạt động ngoại khóa	1,5	
5. Nghỉ hè, lễ tết	12	
6. Lao động công ích	1,5	

7. Dự trữ	03	
Tổng cộng	23	

6.7.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

6.7.4.1. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, Hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

6.7.4.2. Thời lượng bài kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun:

- Thi kết thúc môn học, mô đun lý thuyết: Từ 60 đến 90 phút
- Thi với hình thức trắc nghiệm: Không quá 45 phút.
- Thi vấn đáp: Không quá 45 phút
- Thi trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức, tối đa: 120 phút
- Bài kiểm tra kết thúc học phần thực hành: Không quá 04 giờ

6.7.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm
2	Thực hành	Thực hành kỹ năng tổng hợp

+ Thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh;

+ Thời gian thi thực hành cụ thể do Hiệu trưởng quy định đảm bảo phù hợp với đặc thù của nghề đào tạo.

- Công nhận tốt nghiệp: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, các quy định liên quan để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp cho người học.

PHẦN III.

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

1. Tổng quan chung:

1.1. Căn cứ tự đánh giá.

Căn cứ Quy định về quy trình thực kiểm định chất lượng dạy nghề ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT – BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 “Về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng”;

1.2. Mục đích tự đánh giá.

Qua quá trình tự đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng Chương trình đào tạo Trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Hội đồng tự đánh giá TCN – CKXD yêu cầu. Khoa Điện thu thập các minh chứng và đánh giá lại toàn bộ các hoạt động dạy và học đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, từ đó phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm mạnh những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng Chương trình dạy nghề của Khoa Điện.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá.

Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Các thông tin, phân tích đánh giá rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của Khoa Điện.

Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Khoa và các Phòng/Khoa khác trong Trường.

1.4. Phương pháp tự đánh giá.

Căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Hội đồng tự đánh giá TCN – CKXD yêu cầu và các gợi ý minh chứng. Các GV được phân công phụ trách các tiêu chí rà soát lại các hoạt động của khoa đã đáp ứng được những chỉ số, tiêu chuẩn thuộc các tiêu chí trên cơ sở các minh chứng để đánh giá mức độ đạt hay chưa đạt của từng chỉ số tiêu chuẩn và tiêu chí. Khi đánh giá xong các GV tổng hợp kết quả và làm căn cứ để xếp loại.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.



- Khoa xây dựng kế hoạch tự đánh giá theo kế hoạch của Nhà trường.
- Triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Khoa.
- Tiến hành thu thập minh chứng.
- Viết dự thảo tự đánh giá.
- Hội Khoa đề hoàn thiện dự thảo tự đánh giá.
- Gửi Hội đồng kiểm định của Nhà trường.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá chất lượng
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng
	Tổng điểm	100	82,5
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	7,5	5,0
1.1.	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2,5	2,5
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp	2,5	0
2	Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	15
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học công nghệ, yêu cầu	2,5	2,5

	trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương		
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra, Mỗi môn học, mô đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	0
3	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	17,5	15
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử	2,5	0

	dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc		
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp đảm bảo công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15	12,5
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan	2,5	2,5
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	0
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng, yêu cầu về trình độ	2,5	2,5

	chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	12,5
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	0

5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	7.5
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2.5	2.5
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2.5	2.5
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2.5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2.5	0
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	17.5	15
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2.5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2.5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin	2.5	0

	phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.		
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2.5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2.5	2,5
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng	2.5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2.5	2,5

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu

Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 7/11/2006 của Bộ xây dựng (*Quyết định số 1532/QĐ-BXD - 1.1.01*) tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng được thành lập theo quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18/01/1999 của Bộ xây dựng (*Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD - 1.1.01*), được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. Bộ máy tổ chức của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở điều lệ Trường Trung cấp và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức hoạt động của Trường. Việc phân công phụ trách điều hành được xác định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường.

Khoa Điện là một đơn vị cơ sở thuộc Trường tổ chức, quản lý toàn bộ GV, HS và CSVC thuộc khoa để thực hiện quá trình đào tạo theo kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo của ngành học, đảm bảo chất lượng theo mục tiêu đã công khai.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 03 nghề hệ trung cấp và 04 nghề hệ sơ cấp. Mục tiêu đào tạo của các nghề đều được xác định rõ ràng và là định hướng để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu địa phương và xã hội.

Những điểm mạnh:

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Trung cấp, chương trình chi tiết môn học, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên website, trên thư viện Nhà trường. Ít nhất 3 năm một lần chương trình đào tạo được rà soát điều chỉnh phù hợp với thị trường lao động và nhu cầu phát triển của xã hội.

Những tồn tại:

Công tác kiểm tra, giám sát nhìn chung chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Năm 2021 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với thực tế phát triển của xã hội, ngành máy lạnh và điều hòa không khí, địa phương. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo.

Mô tả, nhận định: Mục tiêu và sứ mạng của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng đã được xác định trong Đề án phát triển Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, được công bố công khai tại Hội nghị viên chức Trường hàng năm và trên Website của Trường.

Nội dung mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Trường, phù hợp với nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của khu vực phía Bắc xác định rõ trong Đề án phát triển Trường TCN – CKXD giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến 2030. Mục tiêu đào tạo còn được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo các nghề. Sau mỗi khóa học, chương trình đào tạo của các nghề đều được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường thông qua. Cùng với việc chỉnh sửa mục tiêu, chương trình đào tạo các nghề cũng được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và Sứ mạng của Nhà trường.

Trên cơ sở mục tiêu chung của Nhà trường, các khoa chuyên môn khi xây dựng CTĐT phải gắn liền mục tiêu CTĐT với mục tiêu chung của Nhà trường.

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là: Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực hành nghề tương xứng với trình độ Trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm

hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.

- Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng, đầy đủ: Chương trình đã xây dựng bộ Chuẩn đầu ra (CĐR) gồm 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, tự chủ - trách nhiệm. Chuẩn đầu ra được trình bày cụ thể bằng các mô tả có thể đo lường, gắn với mục tiêu đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- CĐR phù hợp yêu cầu ngành nghề và thị trường lao động: Doanh nghiệp, chuyên gia nghề đã tham gia góp ý và xác nhận tính phù hợp của chuẩn đầu ra.

- Chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan: Các bên liên quan (người học, cựu người học) được tham gia góp ý trong quá trình xây dựng và điều chỉnh.

- Chuẩn đầu ra được công bố công khai: được đăng tải công khai trên website của trường, cổng thông tin đào tạo và niêm yết tại khoa.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chuẩn đầu ra có tích hợp đầy đủ các năng lực số cơ bản: CĐR đã bổ sung các yêu cầu về năng lực số theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN, bao gồm: sử dụng thiết bị số, truy cập thông tin số, làm việc qua môi trường số, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và ứng dụng CNTT trong học tập, nghề nghiệp.

- CĐR phản ánh yêu cầu chuyển đổi số trong nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: CĐR quy định người học có khả năng sử dụng phần mềm mô phỏng điện, PLC, biến tần, thiết bị đo lường số, tra cứu tài liệu kỹ thuật trên môi trường trực tuyến. Năng lực vận hành thiết bị số, đọc - xử lý tín hiệu số và cập nhật tài liệu kỹ thuật điện tử được tích hợp trong nhóm kỹ năng nghề.

- CĐR phù hợp định hướng chuyển đổi số của cơ sở đào tạo: Việc tích hợp năng lực số được tiến hành theo kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường, phù hợp với lộ trình phát triển chương trình đào tạo. CĐR thể hiện mục tiêu đào tạo người lao động có khả năng thích ứng công nghệ, đáp ứng môi trường làm việc số hóa.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm.

2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Cấu trúc chương trình đảm bảo tính logic, cân đối giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành, phù hợp với đặc thù nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và trình độ trung cấp. Nội

dung chương trình được cập nhật theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, yêu cầu của doanh nghiệp và xu hướng công nghệ trong lĩnh vực điện - tự động hóa.

Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn dựa trên CDR, được thẩm định, phê duyệt và sử dụng thống nhất trong giảng dạy.

Những điểm mạnh:

Chương trình xây dựng theo bậc trình độ trung cấp, đảm bảo đủ khối lượng và phân bổ theo quy định (lý thuyết, thực hành, thực tập): Tích hợp kiến thức nền tảng điện, điện tử, kỹ năng lắp đặt, vận hành, bảo trì hệ thống điện lạnh và điều hòa không khí. Có các học phần PLC cơ bản, biến tần, đo lường điện tử phù hợp xu thế công nghệ. 100% giáo trình được biên soạn, thẩm định và phê duyệt trước khi sử dụng. Giáo trình được cập nhật theo phản hồi doanh nghiệp và giáo viên.

Những tồn tại:

Một số giáo trình chưa được cập nhật ngay theo thay đổi công nghệ. Một số nội dung về tự động hóa, thiết bị thông minh còn thiếu hoặc chưa đầy đủ. Tài liệu tham khảo còn hạn chế. Chủ yếu là dạng in, tài liệu số, video mô phỏng, bài giảng điện tử chưa phong phú.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Rà soát và cập nhật chương trình đào tạo định kỳ: Tổ chức rà soát tổng thể chương trình 1 lần/năm, điều chỉnh các mô đun trùng lặp, thiếu tính liên thông. Đối chiếu lại chương trình với Khung trình độ quốc gia, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và các văn bản mới của Tổng cục GDNN.

- Bổ sung nội dung về công nghệ mới - chuyển đổi số: Cập nhật thêm các nội dung: PLC nâng cao, biến tần đời mới, thiết bị IoT cơ bản trong công nghiệp, thiết bị đóng cắt thông minh. Tăng cường nội dung năng lực số, mô phỏng điện, sự vận hành hệ thống cơ, phần mềm thiết kế tủ điều khiển, học liệu số.

- Cập nhật và hoàn thiện hệ thống giáo trình: Tổ chức biên soạn và cập nhật giáo trình theo từng mô đun trong giai đoạn 2025–2027. Chuẩn hóa giáo trình theo cùng một cấu trúc, tăng cường hình ảnh, sơ đồ quy trình, bài tập ứng dụng.

Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

- Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin theo quy định: CTĐT có đầy đủ: mục tiêu, chuẩn đầu ra, danh mục mô đun/môn học, thời lượng, phương pháp đào tạo, phương thức đánh giá và lộ trình học tập. Hồ sơ CTĐT lưu trữ đầy đủ trong bộ tài liệu chương trình.

- Cấu trúc chương trình logic, hợp lý: Các mô đun được sắp xếp từ cơ bản đến nâng cao, bảo đảm tính liên thông giữa lý thuyết và thực hành. Tỷ lệ thực hành đạt 60–70%, phù hợp đặc thù đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Chương trình đào tạo có tính linh hoạt: Có các mô đun tự chọn theo định hướng nghề nghiệp; cho phép điều chỉnh kế hoạch giảng dạy theo nhu cầu người học và doanh nghiệp. Cho phép linh hoạt về thời gian thực tập, thực tế tại doanh nghiệp.

- Chương trình được cập nhật định kỳ: Nhà trường tổ chức rà soát và điều chỉnh CTĐT hằng năm dựa trên phản hồi của doanh nghiệp, giáo viên và người học. Nội dung

công nghệ mới được bổ sung vào các mô đun.

- Chương trình được phê duyệt, ban hành đúng quy định: CTĐT có biên bản thẩm định, hội đồng phê duyệt và quyết định ban hành của Hiệu trưởng. CTĐT được công bố công khai tại khoa, phòng đào tạo và trên website trường.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học công nghệ, yêu cầu trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương

- Nội dung chương trình cập nhật theo tiến bộ khoa học - công nghệ: CTĐT thường xuyên bổ sung các nội dung về thiết bị mới như PLC, biến tần, cảm biến số, hệ thống điều khiển tự động hóa. Các mô đun được điều chỉnh phù hợp với công nghệ sản xuất hiện đại và xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Nội dung đào tạo phù hợp yêu cầu thực tế sản xuất - kinh doanh: Chương trình được xây dựng trên cơ sở phân tích công việc và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Doanh nghiệp tham gia góp ý, xác nhận tỷ lệ thực hành và kỹ năng nghề phù hợp với nhu cầu tuyển dụng.

- Đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển địa phương: Nội dung chương trình bám sát nhu cầu lao động của các khu công nghiệp, doanh nghiệp điện, cơ khí, tự động hóa tại địa phương. Bổ sung các mô đun phục vụ nhu cầu địa phương như vận hành - bảo trì hệ thống điện lạnh tòa nhà, hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí, an toàn điện năng cao.

- Chương trình linh hoạt và điều chỉnh kịp thời: Mỗi năm có rà soát, cải tiến chương trình dựa trên khảo sát doanh nghiệp, người học, cựu người học. Các mô đun được cập nhật khi có công nghệ mới hoặc yêu cầu từ doanh nghiệp tiếp nhận học sinh thực tập

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra, Mỗi môn học, mô đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Chương trình được thiết kế dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan: Quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT có sự tham gia của doanh nghiệp, giáo viên, người học, cựu người học và chuyên gia nghề. Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường lao động, lấy ý kiến doanh nghiệp hàng năm để cập nhật chương trình. Các góp ý được tổng hợp trong biên bản họp và được điều chỉnh vào nội dung các mô đun.

- Nội dung chương trình bảo đảm đạt chuẩn đầu ra: CTĐT được thiết kế theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, đảm bảo mỗi mô đun đóng góp vào các tiêu chí trong CĐR (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm). Có ma trận đối sánh mô đun và chuẩn đầu ra, thể hiện rõ mức độ đạt được của từng kỹ năng nghề.

- Mỗi môn học, mô đun có xác định rõ vị trí và vai trò trong chương trình: Đề cương mô đun thể hiện: vị trí mô đun trong chương trình, mô đun tiên quyết, mục tiêu học tập và



mỗi liên kết với các mô đun tiếp theo. Các mô đun cơ sở dẫn dắt người học hình thành nền tảng, mô đun nghề bổ sung kỹ năng thực hành, mô đun nâng cao gắn với thiết bị và công nghệ mới.

- Tiến trình đạt chuẩn đầu ra được thể hiện rõ ràng: Lộ trình đào tạo được bố trí từ cơ bản đến nâng cao; mỗi mô đun có mục tiêu thành phần gắn trực tiếp với CĐR.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

- Rà soát và đánh giá định kỳ: Nhà trường tổ chức rà soát chương trình hằng năm và theo chu kỳ 2 - 3 năm/lần theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hoạt động rà soát dựa trên khảo sát doanh nghiệp, phản hồi người học và giáo viên nhằm đánh giá mức độ phù hợp của nội dung chương trình.

- Cập nhật theo yêu cầu thị trường lao động: Kết quả khảo sát lao động của các khu công nghiệp và doanh nghiệp địa phương được sử dụng để điều chỉnh chương trình. Các mô đun liên quan đến công nghệ mới, kỹ năng nghề ưu tiên và yêu cầu tuyển dụng được cập nhật kịp thời.

- Cải tiến phù hợp sự phát triển của ngành nghề: Nội dung chương trình bổ sung các kiến thức và kỹ năng liên quan đến tự động hóa, điều khiển số, thiết bị hiện đại. Chương trình được điều chỉnh theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và xu hướng công nghệ mới trong ngành kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương: Chương trình tích hợp các yêu cầu phục vụ địa phương như vận hành, bảo trì hệ thống kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tại khu công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Một số mô đun được điều chỉnh để tăng thời lượng thực hành phù hợp với đặc thù doanh nghiệp tiếp nhận thực tập.

- Quy trình cập nhật có hồ sơ đầy đủ: Mỗi lần chỉnh sửa đều có biên bản họp, đề xuất điều chỉnh, đánh giá tác động và quyết định phê duyệt của lãnh đạo trường. Phiên bản chương trình sau khi cập nhật được công bố công khai trên website và hồ sơ đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun theo chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp. Các giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn theo quy định, được Hội đồng thẩm định thông qua và Hiệu trưởng ban hành. Giáo trình được lưu trữ tại thư viện, khoa chuyên môn và cung cấp cho giảng viên sử dụng trong giảng dạy.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.

Giáo trình của từng môn học/mô đun được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, mô tả rõ mục tiêu kiến thức - kỹ năng - thái độ, cụ thể hóa nội dung giảng dạy theo từng bài, từng hoạt động thực hành. Cấu trúc giáo trình hỗ trợ triển khai phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo dự án, thảo luận nhóm, thực hành và trải nghiệm, đồng thời phù hợp với yêu cầu nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và công nghệ hiện hành trong doanh nghiệp.

Các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, năng lực được mô tả rõ ràng và bám sát chuẩn đầu ra của mô đun. Nội dung giáo trình có cấu trúc hợp lý, có hoạt động thực hành, thí nghiệm, bài tập tình huống, tạo điều kiện áp dụng phương pháp dạy học tích cực. Nội dung cập nhật theo công nghệ PLC, biến tần, hệ thống điều khiển và tự động hóa đang phổ biến trong doanh nghiệp. Có hướng dẫn an toàn lao động, quy trình thao tác chuẩn theo tiêu chuẩn nghề.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình định kỳ hằng năm. Các nội dung cập nhật được căn cứ vào chuẩn đầu ra, sự thay đổi của công nghệ trong nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và phản hồi từ doanh nghiệp. Việc rà soát được thực hiện theo đúng quy trình: lập kế hoạch - lấy ý kiến - họp hội đồng - thẩm định - phê duyệt - ban hành. Tất cả các mô đun/môn học đều có phiên bản giáo trình được cập nhật theo chu kỳ.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Hoạt động đào tạo của chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được tổ chức theo đúng quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đã ban hành. Nhà trường triển khai đầy đủ các khâu: lập kế hoạch đào tạo, tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra và đánh giá, quản lý hồ sơ đào tạo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động được thực hiện thống nhất giữa khoa chuyên môn, phòng đào tạo và các đơn vị liên quan, đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động địa phương.

Những điểm mạnh:

Kế hoạch đào tạo được xây dựng bài bản, tuân thủ chương trình khung và được điều chỉnh linh hoạt theo tình hình thực tế. Thời khóa biểu được bố trí hợp lý, phân bổ thời lượng lý thuyết và thực hành phù hợp đặc thù nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Giáo viên có chuyên môn tốt, đa số có kinh nghiệm thực tế, có khả năng hướng dẫn thực hành, mô phỏng và xử lý tình huống nghề nghiệp. Hoạt động dạy học gắn với thực tiễn, thông qua thực hành tại xưởng, mô phỏng và trải nghiệm doanh nghiệp.

Quy trình kiểm tra và đánh giá theo năng lực được triển khai tương đối đầy đủ: đánh giá thường xuyên, định kỳ, đánh giá theo sản phẩm. Hồ sơ đào tạo được quản lý nề nếp, cập

nhật đầy đủ kế hoạch, đề cương, giáo án, kết quả học tập. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong dạy học, như bài giảng điện tử, học liệu số, phần mềm mô phỏng mạch điện và PLC.

Những tồn tại:

Tiến độ đổi mới phương pháp kiểm tra và đánh giá theo năng lực chưa đồng đều giữa các bộ môn. Một số phòng thực hành cần bổ sung thiết bị mới để phù hợp với nội dung đào tạo cập nhật.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Bổ sung thiết bị thực hành theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng thay đổi của công nghệ điện và tự động hóa. Chuẩn hóa và số hóa hồ sơ đào tạo, tăng tính minh bạch, phục vụ kiểm định và theo dõi tiến độ học tập của người học. Đổi mới kiểm tra và đánh giá theo năng lực, xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập thực hành, tiêu chí đánh giá chi tiết.

Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Nhà trường có quy định, kế hoạch và chính sách tuyển sinh hằng năm, nêu rõ đối tượng, phương thức, chỉ tiêu, điều kiện xét tuyển, quyền lợi của người học. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai trên các kênh: website nhà trường, fanpage, pano và áp phích, đài truyền thanh, tờ rơi, thông báo tại địa phương và tại các trường phổ thông. Chính sách tuyển sinh được cập nhật hằng năm theo quy định của Tổng cục GDNN và theo đặc thù ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Hoạt động tư vấn tuyển sinh được triển khai đa dạng: tư vấn trực tiếp tại trường THCS/THPT, tư vấn tại cơ sở đào tạo, trực tuyến, hướng dẫn tham quan xưởng thực hành, giới thiệu nghề và cơ hội việc làm. Nội dung tư vấn giúp người học xác định năng lực, định hướng nghề nghiệp, hiểu rõ chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo và yêu cầu kỹ năng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Nhà trường có minh chứng theo dõi số lượng học sinh được tư vấn, số học sinh đăng ký và nhập học theo từng đợt. Kết quả tuyển sinh nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đạt từ 80% trở lên so với chỉ tiêu được giao trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Có báo cáo tổng hợp và đánh giá hiệu quả tuyển sinh, làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch cho năm tiếp theo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Nhà trường áp dụng đa dạng phương pháp đào tạo cho từng mô đun/môn học, đảm bảo phù hợp với đặc thù nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và mục tiêu năng lực của chương trình. Các mô đun lý thuyết sử dụng phương pháp: thuyết trình và minh họa, hỏi đáp gợi mở, thảo luận nhóm, phân tích tình huống, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng. Các mô đun thực hành áp dụng phương pháp: Làm mẫu và thực hành theo quy trình, hướng dẫn cá nhân, đánh giá theo sản phẩm, nhằm hình thành và phát triển kỹ năng

ngành nghiệp theo chuẩn đầu ra. Phương pháp đào tạo được thiết kế thống nhất với nội dung và mục tiêu từng bài học, thể hiện trong kế hoạch đào tạo, đề cương mô đun/môn học và giáo án của giáo viên. Việc lựa chọn phương pháp đào tạo dựa trên: tính chất nội dung, mức độ yêu cầu năng lực, điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm người học, bảo đảm hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra.

Nhà trường thực hiện đánh giá định kỳ việc sử dụng phương pháp đào tạo, thông qua dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, phản hồi người học và đề xuất cải tiến.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

Hoạt động dạy và học được tổ chức theo hướng lấy người học làm trung tâm, khuyến khích người học chủ động tham gia vào quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề. Giáo viên sử dụng các hoạt động học tập như: thảo luận nhóm, làm việc theo nhiệm vụ, giải quyết tình huống, báo cáo kết quả thực hành, giúp người học phát triển khả năng hợp tác và tổ chức làm việc nhóm. Các bài học được thiết kế nhằm rèn luyện khả năng làm việc độc lập, thông qua nhiệm vụ cá nhân, bài tập nghiên cứu ngắn, nhật ký học tập và đánh giá quá trình. Người học được phân công thực hiện bài tập thực hành, mô đun tích hợp, yêu cầu lập kế hoạch, thao tác kỹ thuật và tự đánh giá sản phẩm, góp phần phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra.

Nhà trường triển khai các hoạt động học tập nâng cao kỹ năng tự học như: học liệu số, video hướng dẫn thực hành, mô phỏng kỹ thuật, hệ thống bài tập hỗ trợ online, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu ngoài giờ học. Giáo viên áp dụng các phương pháp khuyến khích tư duy độc lập như phân tích lỗi sai, đối chiếu kết quả, giao nhiệm vụ dự án nhỏ trong các mô đun chuyên ngành. Các hoạt động đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi và đáp, quan sát thao tác, chấm sản phẩm, đánh giá theo tiêu chí, giúp người học tự nhận diện tiến bộ và điều chỉnh cách học.

Nhà trường khuyến khích người học rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời thông qua việc giới thiệu tài liệu tham khảo, hướng dẫn tìm kiếm thông tin kỹ thuật, cập nhật công nghệ mới và tham gia ngoại khóa, câu lạc bộ nghề.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.

Trường duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động thông qua kế hoạch liên kết đào tạo hằng năm. Các doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc xây dựng nội dung thực hành, bố trí vị trí thực tập phù hợp với ngành nghề và hỗ trợ giảng dạy thực tế. Công tác tổ chức thực hành, thực tập được triển khai đồng bộ; người học được hướng dẫn bởi đội ngũ kỹ thuật viên và cán bộ chuyên môn tại doanh nghiệp, bảo đảm sát với môi trường làm việc thực tế. Hoạt động phối hợp được đánh giá có hiệu quả, giúp nâng cao kỹ năng nghề, khả năng thích ứng và cơ hội việc làm của người học ngay sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp đảm bảo công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống quy trình về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, bao gồm: Quy chế kiểm tra và đánh giá, quy trình ra đề và thẩm định đề, quy trình coi thi và chấm thi, quy trình phúc khảo, quy trình xét công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng. Các quy trình này được ban hành thành văn bản, công khai trên website và phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, người học. Minh chứng gồm: quyết định ban hành quy chế; các hướng dẫn nghiệp vụ; sổ tay đào tạo; kế hoạch kiểm tra định kỳ.

Việc tổ chức kiểm tra, thi và chấm điểm được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, minh bạch. Nhà trường thành lập hội đồng thi, phân công giám thị, giám khảo theo đúng chuyên môn; các đề thi được thẩm định độc lập; bài thi được mã hóa, chấm theo đáp án, thang điểm thống nhất. Minh chứng: biên bản họp hội đồng, danh sách cán bộ coi thi - chấm thi, đề thi và đáp án, biên bản niêm phong, mở niêm phong đề thi, biên bản chấm thi và tổng hợp điểm.

Quy trình cấp phát văn bằng được thực hiện chặt chẽ, đối chiếu thông tin từ hệ thống quản lý đào tạo, bảng điểm chính thức và biên bản xét tốt nghiệp; văn bằng được in, ký, đóng dấu theo đúng quy định của Bộ LĐTB&XH và được ghi sổ cấp văn bằng. Minh chứng: biên bản xét công nhận tốt nghiệp; danh sách cấp văn bằng; sổ gốc văn bằng; các quyết định công nhận tốt nghiệp.

Hồ sơ kiểm tra, thi, đánh giá và hồ sơ cấp văn bằng được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng, khoa học theo quy định về công tác văn thư và lưu trữ; có sổ theo dõi, có phân loại (hồ sơ đề thi, bài thi, điểm thi, hồ sơ tốt nghiệp...) và có thời hạn lưu trữ phù hợp. Minh chứng: hồ sơ lưu trữ tại phòng đào tạo; danh mục hồ sơ; biên bản bàn giao và lưu trữ; phiếu kiểm tra nội bộ về công tác lưu trữ.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.

Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu của từng mô đun, môn học. Việc đánh giá được triển khai theo hướng phát triển năng lực, chú trọng cả kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. Các phương pháp đánh giá bao gồm: đánh giá thường xuyên (quan sát, hỏi và đáp, bài tập, thảo luận nhóm), đánh giá định kỳ (kiểm tra viết, thực hành, trắc nghiệm), đánh giá cuối mô đun/môn học (thi lý thuyết, thi thực hành, sản phẩm dự án). Trong đào tạo thực hành nghề, nhà trường sử dụng các bài kiểm tra tay nghề, bài tập tình huống, đánh giá qua sản phẩm hoặc quy trình thực hiện. Các phương pháp đánh giá đều được kết nối trực tiếp với chuẩn đầu ra từng học phần và năng lực nghề nghiệp theo chương trình đào tạo.

Giáo viên được hướng dẫn xây dựng ma trận đề, tiêu chí đánh giá (rubric), thang điểm và đáp án phù hợp với mức độ yêu cầu của chuẩn đầu ra. Việc đánh giá được thực hiện minh bạch, đảm bảo phản ánh đúng năng lực người học.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.

Nhà trường tổ chức tổng hợp, phân tích kết quả kiểm tra và đánh giá của người học theo từng mô đun, môn học và theo từng kỳ để theo dõi mức độ đạt chuẩn đầu ra. Kết quả học tập được giáo viên cập nhật đầy đủ vào hệ thống quản lý đào tạo và báo cáo về khoa/phòng đào tạo đúng thời hạn. Giáo viên thực hiện phản hồi trực tiếp cho người học thông qua nhận xét bài làm, thảo luận trên lớp, họp nhóm và hướng dẫn bổ sung đối với các nội dung chưa đạt. Các tổ chuyên môn định kỳ phân tích điểm kiểm tra, tỷ lệ đạt, các lỗi phổ biến để điều chỉnh phương pháp dạy học, nội dung bài giảng hoặc cách tổ chức thực hành, thực tập. Những phân tích này được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chương trình, giáo trình và hoạt động đào tạo trong kỳ học tiếp theo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

Mở đầu:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường được bố trí theo đúng cơ cấu, số lượng và trình độ chuyên môn theo quy định đối với chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp. Nhà trường thường xuyên chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề và chuyển đổi số. Đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức, thực hiện chương trình đào tạo và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập.

Những điểm mạnh:

Số lượng và cơ cấu giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định đối với chương trình trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn, nhiều giáo viên có kinh nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp, khả năng hướng dẫn thực hành tốt. Đội ngũ được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chuẩn kỹ năng nghề và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Cán bộ quản lý có năng lực quản trị đào tạo, nắm vững quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, quản lý chất lượng và kế hoạch đào tạo. Viên chức, người lao động được phân công rõ nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác hỗ trợ đào tạo, hành chính, thiết bị và vật tư. Môi trường làm việc đoàn kết, tinh thần hợp tác tốt; công tác đánh giá, xếp loại được thực hiện minh bạch và đúng quy định.

Những tồn tại:

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng các phần mềm mô phỏng, công nghệ số và phương pháp dạy học tích cực. Công tác bồi dưỡng chuyên sâu theo từng mảng của nghề điện lạnh chưa được thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa và nâng cao, đặc biệt về công nghệ mới trong nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (tự động hóa, điều khiển lập trình, năng lượng tái tạo). Đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số, sử dụng phần mềm mô phỏng, thiết kế bài giảng e-learning và công cụ đánh giá trực tuyến. Thu hút giáo viên chất lượng cao thông qua chính sách hỗ trợ, đãi ngộ và hợp đồng thỉnh giảng với chuyên gia doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề, đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định, được phân công giảng dạy đúng chuyên môn và đảm bảo năng lực thực hiện các nhiệm vụ đào tạo. Nhà trường thường xuyên rà soát hồ sơ năng lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kiểm tra việc tuân thủ quy định trong hoạt động giảng dạy. Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp. Được phân công giảng dạy đúng chuyên môn.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.

Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực thực tế và kinh nghiệm nghề nghiệp của từng giáo viên. Việc phân công được rà soát định kỳ nhằm bảo đảm mỗi mô đun, môn học trong chương trình đào tạo đều có giáo viên phụ trách đầy đủ, phù hợp với yêu cầu nội dung và đặc thù kỹ thuật của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Số lượng lớp, quy mô người học và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo được thực hiện tuân thủ quy định của Bộ LĐ-TB&XH, đảm bảo hiệu quả giảng dạy và quản lý lớp học. Đủ giáo viên cho tất cả mô đun, môn học của chương trình. Bảo đảm tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo. Có cơ chế theo dõi và điều chỉnh định kỳ.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo.

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo theo từng năm học và giai đoạn nhằm bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Kế hoạch bao gồm tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm và năng lực ứng dụng công nghệ mới. Giáo viên được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm, dự các hội giảng, hội thi thiết bị đào tạo và các hoạt động chuyên môn cấp trường và cấp Bộ. Có kế hoạch phát triển đội ngũ hàng

năm và giai đoạn. Tham gia các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo. Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.

Nhà trường triển khai việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo quy trình định kỳ hằng năm và theo các giai đoạn phát triển của chương trình đào tạo. Nhu cầu được tổng hợp từ Đề án vị trí việc làm, quy hoạch đội ngũ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp, kết quả dự giờ, đánh giá chuyên môn và các yêu cầu mới của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm, chuyển đổi số, kỹ năng thực hành, kiến thức công nghệ mới, đồng thời phối hợp doanh nghiệp tổ chức thực tập, cập nhật thiết bị và quy trình sản xuất. Giáo viên được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo lại và hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo. Có quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo. Thực hiện các hoạt động bồi dưỡng theo kế hoạch. Hoạt động thực tập, cập nhật công nghệ tại doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định của Bộ, của nhà trường, của vị trí việc làm. Có phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn và năng lực; công việc được thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ. Tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh và tổ chức triển khai chương trình đào tạo theo chức năng được giao. Tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn. Có hồ sơ minh chứng về quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đánh giá hằng năm đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Có kế hoạch bồi dưỡng hằng năm và kế hoạch dài hạn, được phê duyệt và triển khai. Kết quả bồi dưỡng được ứng dụng vào thực tế công việc, thể hiện qua cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng quản lý, hỗ trợ đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (lương, bảo hiểm, phụ cấp ưu đãi, thâm niên, trách nhiệm...). Có văn bản hướng dẫn, quyết định áp dụng chế độ tại đơn vị, triển khai đúng và đủ cho các đối tượng. Có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân có thành tích trong giảng dạy, quản lý, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thi chuyên môn, hoặc đóng góp cải tiến chương trình đào tạo. Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong chi trả chế độ, công bố kế hoạch, kết quả thực hiện. Kết quả khen thưởng gắn với đóng góp thực chất vào cải tiến quy trình quản lý đào tạo, chất lượng giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và hệ thống học liệu là yếu tố then chốt bảo đảm chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trong những năm gần đây, nhà trường đã chú trọng đầu tư, nâng cấp phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thiết bị mô phỏng và hệ thống học liệu nhằm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo, yêu cầu thực tiễn sản xuất và tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Việc quản lý, khai thác và bảo dưỡng cơ sở vật chất được thực hiện theo quy định, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học.

Những điểm mạnh:

- Hệ thống phòng học và xưởng thực hành đạt chuẩn: Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng, máy chiếu, máy tính. Xưởng thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được bố trí theo mô hình phân khu chức năng (thiết bị lạnh dân dụng, thiết bị lạnh công nghiệp, điều khiển động cơ máy lạnh, ...).

- Thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu mô đun/môn học: Thiết bị đạt tỉ lệ đủ cho người học thực hành cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ. Có thiết bị hiện đại phục vụ mô phỏng, đo lường, cảm biến, hệ thống điều khiển.

- Quy trình quản lý, bảo trì thiết bị đầy đủ: Thiết bị được kiểm kê, bảo dưỡng định kỳ, có sổ theo dõi khai thác và tình trạng thiết bị. Đảm bảo an toàn điện trong các khu vực thực hành.

- Hệ thống học liệu được phát triển đồng bộ: Có giáo trình cho 100% mô đun/môn học. Học liệu được số hóa trên thư viện điện tử hoặc hệ thống LMS, người học có thể truy cập tài liệu, video hướng dẫn, bài giảng số.

- Cơ sở vật chất hỗ trợ chung đáp ứng nhu cầu: Thư viện, phòng máy tính, wifi, khu vực tự học đáp ứng quy mô đào tạo.

Những tồn tại:

Kinh phí đầu tư thiết bị mới còn hạn chế, khó đáp ứng yêu cầu cập nhật công nghệ nhanh của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Học liệu số chưa phong phú, video mô phỏng và bài giảng tương tác còn ít.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị theo lộ trình 3–5 năm, tập trung vào thiết bị hiện đại phù hợp với công nghệ doanh nghiệp: Hệ thống máy lạnh công nghiệp, hệ thống điều hòa không khí Water Chiller, hệ thống điều hòa không khí cục bộ, IoT công nghiệp. Tăng cường phối hợp doanh nghiệp để mượn thiết bị, tổ chức học tại doanh nghiệp hoặc cập nhật yêu cầu kỹ thuật mới.

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.

- Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất: Phòng học, phòng chuyên môn hóa, xưởng thực hành đạt diện tích, ánh sáng, thông gió theo quy định hiện hành. Trang thiết bị phù hợp với từng loại phòng học theo danh mục thiết bị tối thiểu ngành nghề. Bố trí không gian và thiết bị phù hợp công nghệ đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Đáp ứng yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường: Khu vực thực hành được trang bị thiết bị an toàn điện, hệ thống nối đất, aptomat, cầu dao tổng, sơ đồ thoát hiểm. Có biện pháp xử lý chất thải, thu gom vật tư điện tử, điện lạnh, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Thiết bị và hệ thống điện đáp ứng tiêu chí tiết kiệm năng lượng.

- Bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn: Có nội quy an toàn điện, nội quy xưởng thực hành, quy trình vận hành thiết bị, trang bị bảo hộ lao động. Có đánh giá rủi ro, kế hoạch ứng phó sự cố, nhật ký kiểm tra an toàn định kỳ. Bố trí đầy đủ bình chữa cháy, biển báo nguy hiểm, hệ thống chiếu sáng và lưu thông phù hợp.

- Điều kiện tiếp cận cho người khuyết tật: Có lối đi hoặc đường lên phù hợp cho người khuyết tật (nếu có trong phạm vi nhà trường). Bố trí vị trí ngồi phù hợp trong phòng học. Tài liệu, học liệu có thể cung cấp ở nhiều định dạng (văn bản, tài liệu số). Không có rào cản tham gia học tập.

- Không phân biệt đối xử về giới: Quy trình bố trí lớp học, xưởng thực hành đảm bảo bình đẳng giới. Không gian học tập an toàn, nhà vệ sinh phân khu rõ ràng, sạch sẽ. Không có sự ưu tiên hoặc hạn chế tiếp cận thiết bị đối với nam/nữ.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Đáp ứng đủ số lượng thiết bị và dụng cụ: Thiết bị, dụng cụ cho từng mô đun/môn học đủ đáp ứng theo danh mục thiết bị tối thiểu. Một người học hoặc một nhóm nhỏ được sử dụng đủ thiết bị để thực hành theo yêu cầu bài học. Không xảy ra tình trạng thiếu thiết bị làm gián đoạn hoặc giảm chất lượng giờ học.

- Đảm bảo đúng chủng loại theo chương trình đào tạo: Thiết bị phù hợp với yêu cầu kỹ thuật ngành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (điện lạnh và điều hòa không khí, PLC, cảm biến, mạch điều khiển, dụng cụ đo...). Thiết bị phù hợp nội dung của từng



mô đun, có hướng dẫn sử dụng, an toàn đi kèm. Thiết bị có tính cập nhật, phù hợp công nghệ đang sử dụng tại doanh nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học: Bố trí thiết bị theo từng khu vực thực hành, đủ năng lực phục vụ đồng thời nhiều nhóm. Thiết bị vận hành tốt, có bảo trì định kỳ, đảm bảo an toàn điện. Có thiết bị dự phòng để xử lý khi thiết bị chính gặp sự cố. Phù hợp với phương pháp dạy học tích cực, thực hành nhiều, làm việc theo nhóm.

- Đảm bảo tính sẵn sàng và khai thác hiệu quả: Có quy trình mượn và trả thiết bị rõ ràng. Có sổ theo dõi thiết bị, nhật ký sử dụng, đánh giá tình trạng thiết bị. Có kế hoạch thay thế, bổ sung khi thiết bị hư hỏng hoặc lỗi thời.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.

- Công tác quản lý và bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được triển khai đầy đủ, đúng quy định và bảo đảm tính hiệu quả. Toàn bộ thiết bị, dụng cụ được lập danh mục chi tiết, phân loại theo từng mô đun và lĩnh vực nghề, đồng thời được cập nhật thường xuyên trong sổ theo dõi và phần mềm quản lý (nếu có). Quy trình xuất và nhập, bàn giao và sử dụng thiết bị được thực hiện công khai, minh bạch, có ký xác nhận giữa bộ phận thiết bị và giáo viên phụ trách nhằm bảo đảm tính trách nhiệm và kiểm soát tốt quá trình khai thác sử dụng.

- Công tác bảo dưỡng được triển khai định kỳ theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý hoặc theo chu kỳ sử dụng của từng loại thiết bị. Bộ phận phụ trách thiết bị tổ chức kiểm tra tình trạng hoạt động, vệ sinh, bảo trì và kịp thời sửa chữa hoặc đề xuất thay thế các thiết bị hư hỏng, xuống cấp. Các hoạt động bảo dưỡng đều được ghi chép đầy đủ vào biên bản nhằm theo dõi lịch sử thiết bị, góp phần nâng cao tuổi thọ, đảm bảo tính ổn định và an toàn khi vận hành.

- Việc bố trí thiết bị trong phòng học, xưởng thực hành được thực hiện khoa học, hợp lý, tuân thủ đúng yêu cầu sư phạm, tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Các thiết bị dễ cháy nổ, thiết bị điện, điện tử và dụng cụ cơ khí được bố trí theo khu vực riêng, có biển báo cảnh báo và hướng dẫn vận hành. Khu vực sử dụng thiết bị luôn được vệ sinh thường xuyên, đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn cho người học và giáo viên.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo được tái sử dụng hiệu quả.

Nhà trường đã ban hành và áp dụng đầy đủ quy trình quản lý, cấp phát nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phục vụ đào tạo. Quy trình quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan gồm bộ phận thiết bị và vật tư, các khoa/bộ môn và giáo viên phụ trách mô đun, bảo đảm việc sử dụng vật tư minh bạch, đúng mục đích, đúng chủng loại và theo định mức được phê duyệt.

Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo từng khu vực, thuận tiện cho việc xuất, nhập và bảo quản. Nhà trường tổ chức phân loại vật tư theo tính chất (dễ cháy nổ, dễ hỏng, vật tư thông dụng, vật tư chuyên dùng...) và áp dụng các yêu cầu an toàn trong lưu trữ. Khu vực kho được trang bị đầy đủ giá kệ, tủ chứa và có hệ thống ghi nhãn, mã hóa đảm bảo nhận diện nhanh và tránh thất lạc.

Công tác cấp phát được thực hiện theo kế hoạch đào tạo hằng năm và tiến độ triển khai các mô đun. Giáo viên lập phiếu đề nghị cấp phát vật tư theo từng bài thực hành; bộ phận thiết bị đối chiếu định mức, kiểm tra tồn kho và tổ chức cấp phát bảo đảm đủ số lượng, đúng tiến độ phục vụ hoạt động giảng dạy. Nhà trường triển khai các biện pháp quản lý việc sử dụng vật tư nhằm tối ưu chi phí, tăng cường tái sử dụng vật liệu còn giá trị và giảm thiểu lãng phí.

Việc theo dõi, cập nhật tồn kho và báo cáo xuất và nhập vật tư được thực hiện thường xuyên, định kỳ rà soát sự chênh lệch, từ đó đề xuất bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tế. Công tác quản lý nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đã góp phần bảo đảm hoạt động đào tạo diễn ra liên tục, hiệu quả và an toàn.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.

Thư viện và hệ thống học liệu của nhà trường được xây dựng đầy đủ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu tham khảo và nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học. Nguồn học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu số, cơ sở dữ liệu điện tử và hệ thống học tập trực tuyến được cập nhật định kỳ theo tiến độ đổi mới chương trình đào tạo.

Thư viện được tổ chức theo hướng mở, bố trí khoa học, dễ tra cứu, đảm bảo môi trường học tập thuận lợi. Nhà trường áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản lý thư viện như phần mềm quản lý mượn và trả, cơ sở dữ liệu tra cứu trực tuyến, thư viện số và kho tài nguyên học tập điện tử, góp phần tăng tính tiện lợi, minh bạch và hiệu quả sử dụng.

Người học và giáo viên được tạo điều kiện truy cập học liệu mọi lúc mọi nơi thông qua các nền tảng số, website thư viện, hệ thống LMS hoặc học liệu nội bộ. Các hoạt động hỗ trợ như hướng dẫn sử dụng thư viện, truy cập tài liệu điện tử, khai thác học liệu số được thực hiện thường xuyên. Học liệu phục vụ tốt cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác, góp phần bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Thiết bị và dụng cụ đào tạo được trang bị đầy đủ, phù hợp với chương trình đào tạo và định mức tối thiểu theo quy định. Hệ thống máy móc, công cụ, mô hình, thiết bị máy lạnh và điều hòa không khí, thiết bị đo lường, thực hành và mô phỏng được cập nhật theo sự phát triển của khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí ở trình độ trung cấp. Các thiết bị được bố trí hợp lý tại phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và các phòng học chuyên môn hóa nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động giảng dạy và học tập.

Bên cạnh đào tạo trực tiếp, nhà trường bảo đảm đầy đủ các điều kiện phục vụ đào tạo trực tuyến. Cơ sở hạ tầng CNTT, đường truyền internet, máy tính, phòng học trực tuyến, hệ thống phần mềm LMS và kho học liệu số được triển khai ổn định, cho phép nhà giáo và người học thực hiện các hoạt động học tập, kiểm tra và đánh giá từ xa theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Hệ thống được cập nhật định kỳ, bổ sung phần mềm hỗ trợ mô phỏng, bài giảng điện tử, video thực hành và các công cụ tương tác nhằm nâng cao trải nghiệm học tập.

Thiết bị đào tạo trực tuyến và trực tiếp đều được kiểm tra, bảo trì định kỳ, bảo đảm an toàn và hoạt động ổn định. Nhìn chung, các điều kiện đào tạo đạt yêu cầu về số lượng, chủng loại và tính năng, góp phần hỗ trợ thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Công tác quản lý người học và hoạt động hỗ trợ người học được nhà trường triển khai theo đúng quy định, bảo đảm môi trường học tập thuận lợi, an toàn và tạo điều kiện để người học phát triển năng lực nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và kỹ năng mềm. Nhà trường xây dựng các chính sách, quy trình và dịch vụ hỗ trợ người học một cách hệ thống, bao gồm hỗ trợ học tập, hỗ trợ đời sống, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp.

Những điểm mạnh:

Công tác quản lý người học được thực hiện chặt chẽ thông qua hồ sơ điện tử, sổ theo dõi quá trình rèn luyện, điểm danh, kết quả học tập và đánh giá định kỳ. Chính sách hỗ trợ người học đầy đủ, gồm miễn giảm học phí, học bổng, hỗ trợ khó khăn, bảo hiểm y tế, hỗ trợ nội trú và các chế độ chính sách theo quy định. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập triển khai thường xuyên: phụ đạo, bổ sung kiến thức, hỗ trợ phương pháp học, hướng dẫn thực hành. Dịch vụ hỗ trợ đời sống tốt, đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường; có cán bộ chuyên trách quản lý người học. Công tác hướng nghiệp, việc làm được chú trọng, liên kết doanh nghiệp để thực tập, tuyển dụng, tổ chức hội thảo nghề nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình học tập và phản hồi người học, qua đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ. Các câu lạc bộ, phong trào đoàn - hội tạo môi trường rèn luyện kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp cho người học.

Những tồn tại:

Một số hoạt động hỗ trợ kỹ năng mềm và tư vấn định hướng nghề nghiệp chưa được triển khai đồng đều giữa các khoa/ngành. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người

học chưa được thực hiện thường xuyên hoặc chưa có sự phân tích sâu.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Củng cố dịch vụ tư vấn học đường: bố trí cán bộ kiêm nhiệm tư vấn tâm lý, tập huấn kỹ năng tư vấn cho cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm. Chuẩn hóa hoạt động hướng nghiệp và việc làm, phối hợp chặt chẽ hơn với doanh nghiệp để mở rộng thực tập, trải nghiệm nghề và tuyển dụng. Mở rộng các câu lạc bộ kỹ năng, hội thi nghề, tạo môi trường rèn luyện tác phong công nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp. Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý và hỗ trợ người học, nâng cao năng lực trong công tác tư vấn và hỗ trợ.

Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

- Công khai thông tin đào tạo: Có đầy đủ thông tin về ngành, nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, thời gian đào tạo. Các thông tin được đăng tải công khai trên website, bảng tin, tài liệu tuyển sinh, sổ tay người học. Nội dung được cập nhật hằng năm và phù hợp với chương trình đào tạo đã phê duyệt.

- Công khai quy chế kiểm tra - thi - tốt nghiệp: Có văn bản quy chế hoặc hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, thi kết thúc mô đun/môn học. Có quy định rõ ràng về điều kiện dự thi, cách tính điểm, hình thức kiểm tra, phúc tra. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp được ban hành và công bố minh bạch cho người học. Thông tin được phổ biến đầu khóa và lưu trên website/trang LMS.

- Công khai nội quy, quy chế của trường: Nội quy trường, quy định nề nếp, an ninh, phòng chống tệ nạn, bảo hộ lao động được ban hành đầy đủ. Được phổ biến cho người học qua sinh hoạt đầu khóa, bảng tin lớp, tài liệu hướng dẫn. Có cơ chế giám sát, nhắc nhở và xử lý vi phạm.

- Công khai chế độ và chính sách người học: Chính sách miễn giảm học phí, học bổng, hỗ trợ khó khăn, BHYT, ký túc xá, chế độ ưu tiên. Thông tin được công bố rõ ràng, có hướng dẫn làm hồ sơ, thời gian, đầu mỗi tiếp nhận. Người học được giải đáp thắc mắc khi cần.

- Mức độ tiếp cận thông tin của người học: Người học tiếp cận được thông tin nhanh, đầy đủ qua nhiều kênh: website, fanpage, bảng tin, tin nhắn, ứng dụng quản lý đào tạo. Có phản hồi từ người học về mức độ rõ ràng, đầy đủ và hữu ích của thông tin.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Chính sách, chế độ cho người học: Có văn bản phổ biến, cập nhật đầy đủ các chế độ, chính sách hiện hành (học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ khó khăn, vay vốn, bảo hiểm y tế...). Người học được tiếp cận thông tin qua các kênh: website, bảng tin, sổ tay người học, thông báo các khoa/phòng. Có minh chứng về việc triển khai: quyết định cấp học bổng, danh sách miễn giảm, hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Chính sách khen thưởng, khuyến khích người học: Có quy định hoặc quy chế khen thưởng áp dụng cho người học. Có quyết định khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất (học tập tốt, rèn luyện tốt, tham gia phong trào, đạt giải...). Có sự công khai, minh bạch trong quá trình xét và trao thưởng.

- Hỗ trợ người học trong quá trình học tập: Có bộ phận chuyên trách hỗ trợ người học (phòng công tác học sinh – sinh viên hoặc đơn vị tương đương). Thực hiện tư vấn, hướng dẫn học tập, tâm lý, nghề nghiệp. Có minh chứng hỗ trợ kịp thời trong các tình huống: xin hoãn thi, bổ sung điểm, hỗ trợ khó khăn học tập, hỗ trợ thủ tục hồ sơ. Có hoạt động củng cố kỹ năng học tập: phụ đạo, lớp bồi dưỡng, hỗ trợ trực tuyến.

- Mức độ hài lòng của người học: Có khảo sát mức độ hài lòng về chính sách và hỗ trợ người học. Có tổng hợp kết quả khảo sát và biện pháp khắc phục.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

- Tư vấn học tập: Có bộ phận hoặc cá nhân phụ trách tư vấn học tập (cố vấn học tập, phòng đào tạo). Có các hoạt động hướng dẫn lựa chọn môn học, tiến độ học tập, quy chế thi và kiểm tra.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Trường có kế hoạch thường niên về hoạt động ngoại khóa. Triển khai các phong trào: văn nghệ, thể thao, điều hành, câu lạc bộ, tham quan học tập.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp: Có tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, hội thảo, mô hình nghiên cứu hoặc sáng kiến của người học. Có hỗ trợ kinh phí hoặc hướng dẫn đề tài.

- Tư vấn thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp: Có hoạt động tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp. Có phối hợp doanh nghiệp tổ chức hội thảo, ngày hội việc làm, thực tập doanh nghiệp. Có cung cấp thông tin tuyển dụng qua website, fanpage hoặc thông báo trực tiếp.

- Điều kiện tổ chức hoạt động: Có phòng chức năng, cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động ngoại khóa và tư vấn nghề nghiệp. Có cán bộ phụ trách công tác học sinh.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.

- Hoạt động tư vấn học tập: Có hệ thống tư vấn học tập: cố vấn học tập, phòng đào tạo, phòng công tác HS. Có kế hoạch và lịch tư vấn định kỳ, hoạt động tư vấn theo nhóm/ cá nhân. Có hướng dẫn người học về: Kế hoạch học tập, tiến độ đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, đánh giá, phương pháp học hiệu quả.

- Hoạt động ngoại khóa và phong trào, trường tổ chức đầy đủ chương trình hoạt động ngoài giờ: Văn hóa và văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, câu lạc bộ, diễn đàn kỹ năng sống, tham quan học tập, trải nghiệm doanh nghiệp, tần suất hoạt động ít nhất 1-2 lần/tháng hoặc theo kế hoạch năm học. Có bộ phận phụ trách: Đoàn – Hội – Phòng CTHS.

- Dịch vụ hỗ trợ người học, bao gồm các công tác: Hỗ trợ thủ tục hành chính, hồ sơ hưởng chế độ và chính sách. Hỗ trợ tư vấn tâm lý, giải quyết khó khăn trong học tập. Hỗ trợ ký túc xá, y tế học đường. Hỗ trợ học bổng và chính sách vay vốn. Hỗ trợ tìm kiếm việc làm, thực tập doanh nghiệp.

- Hoạt động hỗ trợ việc làm và kết nối doanh nghiệp: Có phòng/bộ phận phụ trách quan hệ doanh nghiệp. Tổ chức: Ngày hội việc làm, hội thảo nghề nghiệp, hoạt động hướng nghiệp và kỹ năng xin việc, kết nối doanh nghiệp nhận thực tập và tuyển dụng. Có thông tin tuyển dụng công khai trên website, fanpage, bảng tin.

- Môi trường và cảnh quan sư phạm: Khuôn viên xanh - sạch - đẹp, có biển báo, sơ đồ, phân khu chức năng rõ ràng. Bố trí cây xanh, sân thể thao, khu tự học. Đảm bảo: An toàn, an ninh, phòng cháy chữa cháy. Khu vệ sinh đạt chuẩn. Không gian học tập yên tĩnh.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: *Giám sát, đánh giá chất lượng.*

Mở đầu:

Giám sát, đánh giá chất lượng là tiêu chí quan trọng được Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, GV, nhân viên, qua đó duy trì, phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Những điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm đến việc lấy ý kiến của HS, GV và người sử dụng lao động về các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế tỉ lệ HS ra trường có việc làm đúng ngành nghề đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện khảo sát HS sau tốt nghiệp bằng liên lạc qua điện thoại, thông qua kết quả khảo sát người học sau 6 tháng tốt nghiệp tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với nghề đào tạo đạt trên 80%.

Những tồn tại:

Thu thập các ý kiến các đơn vị sử dụng lao động, Nhà giáo, cán bộ quản lý, người học chưa nhiều.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt các nghề đào tạo trọng điểm của Nhà trường.

Tiếp tục thu thập ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.

- Chính sách

- + Có văn bản quy định về đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT).
- + Có quy định về trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong xây dựng, rà soát, thẩm định và cải tiến CTĐT.
- + Có cơ chế tham vấn doanh nghiệp, chuyên gia, nhà giáo và người học trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT.

- Quy trình

Có quy trình đầy đủ và rõ ràng cho các bước: Thiết kế chương trình đào tạo. Thẩm định nội bộ và thẩm định bên ngoài (doanh nghiệp). Phê duyệt, ban hành CTĐT. Rà soát và cải tiến định kỳ (năm hoặc chu kỳ).

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.

- Hệ thống dịch vụ hỗ trợ và tiện ích: Có đầy đủ các dịch vụ: hỗ trợ học tập, phòng thực hành, thư viện, khu thể thao, khu sinh hoạt chung, phòng hỗ trợ người học. Dịch vụ vận hành thường xuyên, đảm bảo phục vụ người học.
- Quy trình giám sát chất lượng dịch vụ: Có quy trình hoặc hướng dẫn giám sát chất lượng dịch vụ. Có đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi (phòng CTSV, phòng HCTC, bộ phận QLCSVC...).
- Công cụ đánh giá: Có biểu mẫu khảo sát người học về mức độ hài lòng đối với dịch vụ. Có phiếu kiểm tra định kỳ CSVC, an toàn, vệ sinh, thiết bị.
- Thực hiện giám sát và đánh giá định kỳ: Có báo cáo kiểm tra CSVC hằng kỳ/hàng năm. Có tổng hợp kết quả khảo sát người học.
- Hoạt động cải tiến: Có biện pháp cải tiến sau đánh giá (sửa chữa, bổ sung thiết bị, nâng cấp tiện ích).
- Mức độ đáp ứng nhu cầu người học: Dịch vụ và tiện ích đáp ứng tốt nhu cầu học tập, rèn luyện. Người học phản hồi tích cực hoặc mức hài lòng đạt yêu cầu.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

- Hệ thống khảo sát phản hồi (bắt buộc): Có quy trình khảo sát doanh nghiệp và các bên liên quan. Có bộ câu hỏi hoặc mẫu khảo sát chuẩn hóa.
- Thực hiện khảo sát định kỳ: Khảo sát hằng năm hoặc theo chu kỳ của chương trình

đào tạo. Đối tượng khảo sát: doanh nghiệp, cựu người học, cơ quan quản lý, chuyên gia nghề.

- Thu thập và tổng hợp dữ liệu phản hồi: Có báo cáo kết quả khảo sát. Có thông kê mức độ hài lòng và ý kiến về năng lực người tốt nghiệp.

- Đánh giá mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp: Doanh nghiệp đánh giá các tiêu chí: kiến thức, kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, tác phong.

- Đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo: Doanh nghiệp góp ý về nội dung, chuẩn đầu ra, thời lượng thực hành, công nghệ, thiết bị. Có đề xuất điều chỉnh từ các bên liên quan.

- Sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến CTĐT: Có biên bản họp, đề xuất, kế hoạch điều chỉnh CTĐT dựa trên phản hồi.

- Mức độ công khai và minh bạch: Công khai hoặc lưu trữ đầy đủ kết quả khảo sát và các hoạt động cải tiến. Có cơ chế tiếp nhận phản hồi ngoài khảo sát định kỳ (email, website, hotline).

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.

Có kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo được ban hành và triển khai định kỳ. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ/Liên quan. Báo cáo tự đánh giá được xây dựng đầy đủ, có minh chứng rõ ràng, logic và cập nhật. Kết quả tự đánh giá được công bố hoặc thông tin tới các bên liên quan theo quy định. Có minh chứng về việc triển khai các biện pháp cải tiến sau tự đánh giá (có kế hoạch, lộ trình, phân công, kết quả). Việc cải tiến chất lượng được theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả. Hoạt động tự đánh giá được duy trì thường xuyên, liên tục, phục vụ nâng cao chất lượng chương trình.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.

Có xác lập các chỉ số: tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình cho từng khóa/ngành. Hệ thống thu thập và cập nhật dữ liệu định kỳ (theo năm học/khóa học). Phân tích, đánh giá xu hướng qua các năm đối với các chỉ số trên. Đối sánh với chuẩn nội bộ, chuẩn của Bộ, hoặc với các cơ sở đào tạo tương đương (nếu điều kiện cho phép). Có báo cáo đánh giá gửi các cấp quản lý và các đơn vị liên quan. Chính sách hoặc biện pháp cải tiến dựa trên kết quả theo dõi (ví dụ: tư vấn học tập, bổ sung học phần hỗ trợ, điều chỉnh tiến độ đào tạo). Theo dõi kết quả sau cải tiến để kiểm chứng hiệu quả.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

- Xác lập và giám sát chuẩn đầu ra (Learning Outcomes)

+ Xác định chuẩn đầu ra của chương trình: Bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra phải phù hợp với tiêu chuẩn ngành, chuẩn quốc gia hoặc quốc tế nếu có.

+ Xây dựng chỉ số đánh giá đạt chuẩn đầu ra: Sử dụng các công cụ đánh giá: bài kiểm tra, dự án, đồ án, thực tập, khảo sát kỹ năng nghề... Xác định mức điểm, tiêu chí cụ thể cho từng chuẩn đầu ra.

+ Giám sát liên tục: Thu thập dữ liệu thường xuyên (67ang kỳ, 67ang năm) về kết quả học tập của sinh viên. So sánh với mục tiêu chuẩn đầu ra để đánh giá mức độ đạt được.

- Xác lập và giám sát mức độ hài lòng các bên liên quan:

+ Người tốt nghiệp

+ Đơn vị sử dụng lao động

+ Các cơ quan quản lý giáo dục, ngành nghề hoặc các đối tác liên quan

- Thu thập dữ liệu: Sử dụng khảo sát, phỏng vấn, hội thảo, phiếu phản hồi. Đo lường mức độ hài lòng với các khía cạnh: kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng thích nghi nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sinh viên.

- Đối sánh dữ liệu: So sánh giữa kỳ, giữa năm hoặc so với chuẩn chung ngành để đánh giá mức độ cải tiến. Phân tích xu hướng, các điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất giải pháp cải tiến.

- Sử dụng dữ liệu để cải tiến chất lượng: Báo cáo kết quả đạt chuẩn đầu ra: Trình bày tỷ lệ đạt chuẩn, điểm trung bình, phân bố năng lực sinh viên. Báo cáo mức độ hài lòng: Tỷ lệ hài lòng, các ý kiến phản hồi chính, các đề xuất cải thiện. Cải tiến chương trình: Điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, hoạt động thực hành, cơ sở vật chất. Thiết lập kế hoạch hành động dựa trên dữ liệu giám sát và phản hồi.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Xác lập các chỉ số sau tốt nghiệp:

- Tỷ lệ có việc làm: Số sinh viên tốt nghiệp có công việc ổn định trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu: $\geq 80\%$ sinh viên có việc làm đúng hoặc phù hợp ngành nghề.

- Tỷ lệ khởi nghiệp: Số sinh viên tự mở doanh nghiệp hoặc tham gia startup.

- Tỷ lệ tiếp tục học trình độ khác: Số sinh viên học lên trình độ cao hơn (ví dụ: từ cử nhân lên thạc sĩ).

- Các chỉ số khác (nếu cần): Thu nhập trung bình, mức độ phù hợp công việc, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

PHẦN IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất

a. Mục tiêu.

- Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo chuẩn nghề.
- Tăng cường điều kiện thực hành, giúp học sinh tiếp cận công nghệ và thiết bị sát với thực tế sản xuất, dịch vụ kỹ thuật.

b. Nội dung và giải pháp

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp các xưởng thực hành máy lạnh và điều hòa không khí theo hướng đồng bộ, hiện đại.
- Trang bị các thiết bị thực hành chuyên ngành như: máy điều hòa dân dụng và công nghiệp, tủ lạnh, kho lạnh mô hình, hệ thống điều hòa trung tâm, hệ thống VRV/VRF.
- Bổ sung bộ dụng cụ chuyên dùng: đồng hồ đo áp suất, bơm hút chân không, máy thu hồi môi chất lạnh, thiết bị nạp gas, thiết bị dò rò rỉ.
- Trang bị các mô hình cắt bỏ, mô hình nguyên lý hệ thống lạnh nhằm hỗ trợ giảng dạy trực quan.
- Thực hiện bảo trì, kiểm định và bảo dưỡng định kỳ thiết bị đào tạo để đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng.

2. Về nguồn nhân lực

a. Mục tiêu

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới đào tạo nghề ngành kỹ thuật lạnh.

b. Hiện trạng

- Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tuy nhiên cần tiếp tục bồi dưỡng về công nghệ điều hòa không khí hiện đại, môi chất lạnh mới và kỹ năng số.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Nhà giáo đủ về số lượng và có chất lượng, có tay nghề cao, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp. Hiện nay khoa có 09 GV, số GV có trình độ thạc sĩ 07, đại học là 02 giáo viên. Phân đầu đến năm 2027, 90% GV có trình độ trên đại học, 100%, GV sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng, 100% GV chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề đạt chuẩn.

c. Nội dung và giải pháp

- Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên hằng năm về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và tay nghề.
- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, cập nhật công nghệ mới như hệ thống VRV/VRF, inverter, IoT trong điều hòa không khí.



- Bồi dưỡng kiến thức về môi chất lạnh thế hệ mới thân thiện với môi trường và các quy định an toàn liên quan.

- Khuyến khích giáo viên tham gia thực tế tại doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật lạnh để nâng cao kỹ năng nghề.

3. Về khoa học và công nghệ

a. Mục tiêu

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng, gắn nghiên cứu với đổi mới phương pháp giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp.

b. Nội dung và giải pháp

- Khuyến khích giáo viên nghiên cứu, cải tiến mô hình thực hành, thiết bị dạy học tự làm phục vụ giảng dạy ngành kỹ thuật lạnh.

- Tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị đào tạo tự làm và các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Ứng dụng công nghệ số, phần mềm mô phỏng hệ thống lạnh và điều hòa không khí trong giảng dạy.

- Từng bước xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử cho các mô-đun chuyên ngành.

- Tăng cường phát triển các thiết bị dạy trong thực tế, giúp HS có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HS.

4. Về chương trình, giáo trình

a. Mục tiêu

- Hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng cập nhật công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường lao động.

b. Nội dung và giải pháp

- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Bổ sung các nội dung mới như: công nghệ inverter, điều hòa trung tâm, hệ thống lạnh công nghiệp, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích giáo viên biên soạn, chỉnh sửa giáo trình, tài liệu giảng dạy sát với điều kiện đào tạo và thực tế doanh nghiệp.

- Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HS có thể tiếp cận được với kiến thức và cộng với trong nước và quốc tế.

5. Về công tác HS

a. Mục tiêu

Tạo môi trường học tập, rèn luyện tích cực; giúp học sinh phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng nghề và tác phong công nghiệp.

b. Nội dung và giải pháp

- Giáo dục ý thức nghề nghiệp, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình học tập và thực hành.

- Khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi tay nghề, sáng tạo kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực tập tại doanh nghiệp để học sinh làm quen với môi trường làm việc thực tế.

- Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và định hướng việc làm sau tốt nghiệp.

- Tạo môi trường học tập, rèn luyện để HS tích cực trong học tập và sáng tạo, HS phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho HS trong nước. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Điện công nghiệp của Trường.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo nghề của Nhà trường nói chung và chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng. Thông qua quá trình tự kiểm định, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã nhận thức rõ hơn ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động quản lý, tổ chức đào tạo và giảng dạy.

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thực hiện theo đúng hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành. Việc triển khai tự kiểm định đã giúp Nhà trường đánh giá một cách toàn diện, khách quan mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đối với yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng và kết quả đầu ra của người học.

Căn cứ kết quả tự kiểm định, chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đạt được các kết quả cụ thể như sau:

- + Tổng số điểm đánh giá các tiêu chí đạt 82,5/100 điểm, cho thấy chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng tốt các yêu cầu của hệ thống kiểm định chất lượng.
- + Tiêu chí 3 đạt 85,71% so với điểm chuẩn, phản ánh hiệu quả tương đối cao trong hoạt động đào tạo, tổ chức giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học.
- + Các tiêu chí 1, 2, 4, 5, 6 và 7 đều đạt từ 75% điểm chuẩn trở lên, thể hiện sự đồng bộ giữa mục tiêu đào tạo, chương trình – giáo trình, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, công tác quản lý và các hoạt động hỗ trợ học sinh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tự kiểm định cũng chỉ ra một số nội dung cần tiếp tục quan tâm cải tiến như: tăng cường cập nhật chương trình theo sự phát triển của công nghệ kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí, nâng cao hiệu quả khai thác trang thiết bị thực hành, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng và tăng cường gắn kết đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Nhìn chung, kết quả tự kiểm định là cơ sở quan trọng để Nhà trường khẳng định chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, đồng thời là căn cứ để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn tiếp theo.

2. Kiến nghị

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tự kiểm định và chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Nhà trường đề xuất một số kiến nghị sau:

- Đối với công tác quản lý và chỉ đạo:

- + Nhà trường cần xây dựng kế hoạch chỉ đạo thống nhất, lâu dài đối với công tác tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp.

+ Tăng cường vai trò của các đơn vị chuyên môn trong việc theo dõi, giám sát và thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng.

- Đối với công tác tập huấn, bồi dưỡng:

+ Tổ chức tập huấn hằng năm về các quy định, quy trình và nội dung liên quan đến kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho cán bộ quản lý và giáo viên.

+ Hướng dẫn thống nhất cách áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định nhằm đảm bảo việc tự đánh giá được thực hiện đúng quy định và đạt mục tiêu đề ra.

- Đối với việc cải tiến chương trình đào tạo:

+ Trên cơ sở kết quả tự kiểm định, xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo lộ trình cụ thể.

+ Ưu tiên cập nhật nội dung đào tạo gắn với công nghệ mới, môi chất lạnh thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và yêu cầu của doanh nghiệp.

- Đối với điều kiện đảm bảo chất lượng:

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành phục vụ đào tạo nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Tạo điều kiện cho giáo viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề và năng lực đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

Việc thực hiện đồng bộ các kiến nghị trên sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn mới.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG TĐGCL
CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC**1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Số: 139/QĐ-MCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025
của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-MCC ngày 14/8/2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 06 nghề trình độ trung cấp năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 06 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng có các nhiệm vụ sau:

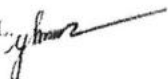
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường (nếu có);

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng; Trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

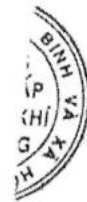
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Tự

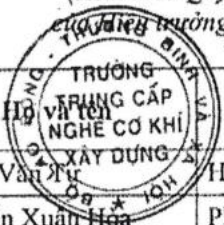


4/1
HỆ
3/C

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 05 NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 139/QĐ-MCC ngày 18/8/2025

của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)



TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
01	Phạm Văn Tư	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Xuân Hòa	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
03	Vũ Thị Phước	Trưởng phòng Đào tạo và KĐCL	Ủy viên Thư ký
04	Nguyễn Đình Khải	Trưởng khoa CBCS	Ủy viên
05	Đỗ Tuấn Nghĩa	Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật	Ủy viên
06	Cù Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tổng hợp	Ủy viên
07	Trịnh Thị Hồng Vân	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên
08	Nguyễn Văn Huân	Phó Trưởng khoa Điện	Ủy viên
09	Trương Thị Mai Trang	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường	Ủy viên
10	Đàm Anh Sơn	Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển giải pháp mới	Ủy viên (Mời tham gia Hội đồng)
11	Nguyễn Ngọc Thiên	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH Kỹ thuật điện Hưng Thịnh UTE	Ủy viên (Mời tham gia Hội đồng)

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Số: 116/KH- MCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy trong từng giai đoạn nhất định, giúp nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

- Xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo hiệu quả và đảm bảo chất lượng; đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn nhân lực trong từng giai đoạn.

2. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Công văn số 454/TCGDNN-KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

3. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy trình được quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong Trường và gửi báo cáo về: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Nhiệm vụ chung:

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Phân công các khoa chuyên môn chủ trì việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do khoa quản lý. Cụ thể như sau:
 - + Khoa Điện thực hiện tự đánh giá chất lượng 03 chương trình đào tạo trình độ trung cấp: nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
 - + Khoa Công nghệ kỹ thuật thực hiện tự đánh giá chất lượng 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp: nghề Hàn, nghề Công nghệ ô tô.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đúng thời hạn quy định.
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tại Trường (nếu có).

4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Trường

4.2.2. Đối với Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng

- Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo và các quyết định thành lập Hội đồng, Ban thư ký.
- Chuẩn bị tài liệu, thống kê các thông tư, văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Hướng dẫn cho khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán xây dựng dự trù kinh phí cho kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề.
- Hướng dẫn tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí.
- Phối hợp với các khoa chuyên môn hoàn thiện báo cáo tự đánh giá gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đúng thời hạn quy định.

4.2.3. Đối với các khoa chuyên môn:

- Chủ trì viết báo cáo, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo do Khoa quản lý theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT-BKĐT BXH ngày 15/12/2017 và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp;

- Phối hợp với các đơn vị thụ thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động theo nội hàm của các tiêu chuẩn trong Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Phối hợp với các đơn vị liên quan, bổ sung đủ danh mục minh chứng.

- Đánh giá mức độ đạt được theo tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định có liên quan; phân tích rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá gửi về Hội đồng tự đánh giá của Trường qua Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng.

- Giải trình trước đoàn đánh giá ngoài về minh chứng, nội dung các tiêu chuẩn trong báo cáo tự đánh giá.

4.2.4. Đối với các đơn vị khác trong Trường

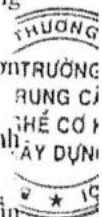
- Phối hợp viết báo cáo và cung cấp minh chứng cho Khoa chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Bổ sung, xây dựng minh chứng theo yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Chịu trách nhiệm nội dung minh chứng cung cấp cho Khoa chuyên môn.

5. Phân công nhiệm vụ

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
1	Tiêu chuẩn 1.1	Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 1.2	
3	Tiêu chuẩn 1.3	
II	Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	
1	Tiêu chuẩn 2.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa
2	Tiêu chuẩn 2.2	
3	Tiêu chuẩn 2.3	
4	Tiêu chuẩn 2.4	
5	Tiêu chuẩn 2.5	
6	Tiêu chuẩn 2.6	
7	Tiêu chuẩn 2.7	
III	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	



1	Tiêu chuẩn 3.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Khoa Cơ bản cơ sở - Các khoa chuyên môn	
2	Tiêu chuẩn 3.2		
3	Tiêu chuẩn 3.3		
4	Tiêu chuẩn 3.4		
5	Tiêu chuẩn 3.5		
6	Tiêu chuẩn 3.6		
7	Tiêu chuẩn 3.7		
IV	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động		
1	Tiêu chuẩn 4.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn	
2	Tiêu chuẩn 4.2		
3	Tiêu chuẩn 4.3		
4	Tiêu chuẩn 4.4		
5	Tiêu chuẩn 4.5		
6	Tiêu chuẩn 4.6		
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu		
1	Tiêu chuẩn 5.1	Các khoa chuyên môn	
2	Tiêu chuẩn 5.2		
3	Tiêu chuẩn 5.3		
4	Tiêu chuẩn 5.4		
5	Tiêu chuẩn 5.5		
6	Tiêu chuẩn 5.6		
VI	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
1	Tiêu chuẩn 6.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn - Khoa Cơ bản cơ sở	
2	Tiêu chuẩn 6.2		
3	Tiêu chuẩn 6.3		
4	Tiêu chuẩn 6.4		
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 7.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn	
2	Tiêu chuẩn 7.2		
3	Tiêu chuẩn 7.3		
4	Tiêu chuẩn 7.4		
5	Tiêu chuẩn 7.5		
6	Tiêu chuẩn 7.6		
7	Tiêu chuẩn 7.7		

6. Nội dung và thời gian thực hiện

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025. - Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025.	Trước ngày 19/8/2025	Phòng DT&KĐCL
	Phân công các đơn vị phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn.		Hội đồng tự đánh giá CTĐT

2	- Thu thập thông tin, rà soát các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. - Căn cứ tình hình thực tế và các minh chứng thu thập được, viết báo cáo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công - Gửi Báo cáo tự đánh giá (bản cứng và bản mềm) về Hội đồng (qua Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng)	Từ ngày 19/8/2025 đến 28/11/2025	Các khoa chuyên môn
3	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT hợp đánh giá Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của các khoa (lần 1) - Tổng hợp ý kiến Hội đồng và gửi Khoa chuyên môn.	Từ ngày 01/12/2025 đến 03/12/2025	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo và minh chứng kèm theo sau khi Hội đồng hợp đánh giá và đóng góp ý kiến.	Từ ngày 04/12/2025 đến 10/12/2025	Các khoa chuyên môn
5	Nghiên cứu, hợp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng (lần 2).	Từ ngày 11/12/2025 đến 15/12/2025	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT
6	Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng	Từ ngày 16/12/2025 đến 17/12/2025	Hiệu trưởng
7	Nộp báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Trước ngày 25/12/2025	Phòng ĐT&KĐCL

7. **Kinh phí thực hiện:** Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2025 từ nguồn thu sự nghiệp của Trường theo dự trù kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng (Căn cứ Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn nội dung chi và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng đối với các trung tâm GDNN, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập và điều kiện thực tế của Trường).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2025. Lãnh đạo Trường đề nghị các tổ chức đoàn thể, đơn vị, cá nhân thuộc Trường triển khai thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Tự

3. BẢNG MÃ HÓA MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí	Tên minh chứng (Văn bản tham chiếu)
1	1	1.1	1.1.01		- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2024, 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập ban chủ nhiệm, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành chương trình đào tạo)
2		1.2	1.1.02		* Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: - Số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021. - Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025.
4	2	2.1	2.1.01		- Quyết định số 47/QĐ-MCC ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp. - Biên bản họp ngày 06/4/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp năm 2025 (lần 1). - Biên bản họp ngày 13/4/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp năm 2025 (lần 2). - Quyết định số 71/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - trình độ Trung cấp.
5		2.2	2.2.01		- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2024, 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập ban chủ nhiệm, Quyết

				định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành chương trình đào tạo) - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: + Số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021. + Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025.
6		2.3	2.3.01	- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2024, 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập ban chủ nhiệm, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành chương trình đào tạo) - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: + Số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021. + Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025.
7		2.4	2.4.01	- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2024, 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập ban chủ nhiệm, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành chương trình đào tạo) - Kế hoạch số 118/KH-MCC ngày 28/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 127/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về thành lập tổ chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: + Số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021. + Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025.
8		2.5	2.5.01	- Hồ sơ xây dựng chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo năm 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập tổ chỉnh sửa bổ sung, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành giáo trình đào tạo) Lưu KĐ - Kế hoạch số 118/KH-MCC ngày 28/7/2025

					của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 127/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về thành lập tổ chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025.
9		2.6	2.6.01		- Biên bản của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2025, Quyết định ban hành giáo trình đào tạo. - Bản in giáo trình đào tạo chỉnh sửa bổ sung năm 2025.
11	3	3.1	3.1.01		- Bảng thống kê CTĐT các nghề đào tạo của trường năm 2024, 2025
12			3.1.02		- Quy chế tuyển sinh: Số 35/QĐ-CKXD ngày 28/3/2024; 55/QĐ-MCC ngày 31/3/2025.
13			3.1.03		- Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025
14			3.1.04		- Thông báo tuyển sinh năm 2024, 2025
15			3.1.05		- Tờ rơi tư vấn tuyển sinh, Giới thiệu về trường năm 2024, 2025
16			3.1.06		- Quyết định miễn giảm học phí đối với học sinh khóa 26, 27; Thông báo giảm học phí.
17			3.1.07		- Danh sách thí sinh dự xét tuyển theo từng nghề các năm 2024, 2025;
18			3.1.08		- Biên bản họp HĐTS các năm 2024, 2025
19			3.1.09		Quyết định phê duyệt HS trúng tuyển các năm 2024, 2025: * Quyết định phê duyệt học sinh trúng tuyển năm 2024: - Số 85/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024. - Số 160/QĐ-CKXD ngày 11/12/2024. - Số 162/QĐ-CKXD ngày 17/12/2024. * Quyết định phê duyệt học sinh trúng tuyển năm 2025: - Số 108/QĐ-MCC ngày 22/7/2025. - Số 109/QĐ-MCC ngày 22/7/2025. - Số 178/QĐ-MCC ngày 07/10/2025.
20		3.1	3.1.10		- Giấy báo nhập học các năm 2024, 2025
21			3.1.11		- Hồ sơ nhập học của HS các năm 2024, 2025.
22			3.1.12		Quyết định thành lập lớp khóa 26,27. - Số 85/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024

				- Số 110/QĐ-MCC ngày 25/7/2025 - Số 123/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 - Số 184/QĐ-MCC ngày 10/10/2025
23		3.1.13		- Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2024, 2025.
24	3.2	3.2.01		- Hồ sơ xây dựng chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo năm 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập tổ chỉnh sửa bổ sung, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành giáo trình đào tạo)
25	3.3	3.3.01		- Quyết định quy định thực hiện, quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ quản lý đào tạo: Số 335/QĐ-TTCN ngày 26/8/2020.
26		3.3.02		* Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 27: - Số 111/QĐ-MCC ngày 25/7/2025 - Số 126/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 - Số 185/QĐ-MCC ngày 10/10/2025.
27		3.3.03		- Tiến độ đào tạo năm học 2023 – 2024, 2024 – 2025, 2025 – 2026 (khóa 26, 27)
28		3.3.04		Thời khóa biểu năm 2024, 2025
29		3.3.05		- Sổ theo dõi đào tạo năm 2024, 2025.
30		3.3.06		- Lưu KĐ QĐ ban hành chuẩn đầu ra
31		3.3.07		- Sổ lên lớp năm 2024, 2025 (khóa 24, 25, 26, 27)
32		3.3.08		- Giáo án giảng dạy năm 2024, 2025 (khóa 24, 25, 26, 27)
33		3.3.09		- Sổ tay giáo viên năm 2024, 2025 (khóa 24, 25, 26, 27)
34		3.3.10		- Kế hoạch thực tập/bài tập lớn đối với học sinh khóa 24, 25 (kèm theo danh sách)
35		3.3.11		- Báo cáo kết quả thực tập/bài tập lớn.
37	3.5	3.5.01		- Sổ theo dõi đào tạo năm 2024, 2025.
38		3.5.02		- Bộ hồ sơ khảo sát năm 2024, 2025 (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát).
39		3.5.03		- Quyết định ban hành quy chế đào tạo theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt

				nghiệp trình độ trung cấp: số 181/QĐ-TTCN ngày 09/9/2022
40		3.5.04		- Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, số 10/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021.
41		3.5.05		- Quyết định ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, số 12/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021
42		3.5.06		- Danh sách HS thi kết thúc môn học/mô đun năm 2024, 2025
43		3.5.07		- Hồ sơ kết quả học tập môn học/mô đun của học sinh năm 2024, 2025.
44		3.5.08		- Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025
45		3.5.09		- Hồ sơ xét và công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025.
46		3.5.10		- Sổ cấp bằng trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, đào tạo thường xuyên
47		3.6	3.6.01	- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: + Số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021. + Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025.
48		3.7	3.7.01	- Danh sách HS thi kết thúc môn học/mô đun năm 2024, 2025.
49			4.1.01	- Bảng thống kê trình độ chuyên môn của giáo viên năm 2024, 2025.
50		4.1	4.1.02	- Quyết định phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân của Trường năm 2024, 2025.
52	4	4.3	4.3.01	- Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức: - Số 123/QĐ-TTCN ngày 01/4/2021. - Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ - Số 16/QĐ-MCC ngày 21/01/2025. - Kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động năm 2024, 2025. - Các quyết định cử đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động năm 2024, 2025. - Văn bằng chứng chỉ hoặc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng.
53			4.3.02	- Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2024, 2025
54		4.4	4.4.01	- Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ - Số 16/QĐ-MCC ngày 21/01/2025;

				- Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023. - Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2024,2025.
55	4.5	4.5.01		- Quyết định số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024 của Trường TCN-CKXD về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường năm 2024,2025.
56		4.5.02		- Hồ sơ khảo sát năm 2024 , 2025 (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
57	4.6	4.6.01		- Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: Số 16/QĐ-MCC ngày 21/01/2025; - Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023. - Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2024,2025.
58	5	5.1	5.1.01	- Quy trình quản lý và sử dụng tài sản
59			5.1.02	- Quyết định công khai việc quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024, 2025;
60			5.1.03	- Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2024, 2025.
61			5.1.04	- Các Hợp đồng mua sắm trang thiết bị
62			5.1.05	- Nội quy phòng học Lý thuyết, Thực hành, Tin học, Tiếng Anh
63			5.1.06	- Các hoạt động của Công đoàn, Ban nữ công, Đoàn Thanh niên;
64			5.1.07	- Báo cáo bình đẳng giới
65			5.1.08	- Báo cáo công tác khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động
66			5.1.09	- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025
67			5.1.10	- Biên bản giám sát y tế học đường.
68		5.2	5.2.01	- Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường

					và các trung tâm liên kết năm 2023, 2024, 2025. - Các Hợp đồng mua sắm trang thiết bị.
69		5.2.02			- Báo cáo số lượng học sinh năm 2024,2025. - Quyết định thành lập lớp năm 2024, 2025
70		5.3	5.3.01		- Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023, 2024, 2025; - Các Hợp đồng mua sắm trang thiết bị)
71			5.3.02		- Báo cáo số lượng học sinh năm 2024,2025; - Quyết định thành lập lớp năm 2024, 2025
72			5.3.03		- Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật năm 2024, 2025
73			5.3.04		- Quy trình quản lý và sử dụng tài sản. - Quyết định công khai việc quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024,2025.
74		5.4	5.4.01		- Dự trù, kế hoạch mua sắm vật tư đào tạo năm 2024,2025;
75			5.4.02		- Phiếu nhập kho, xuất kho
76			5.4.03		- Sổ theo dõi, cấp phát vật tư.
80		5.6	5.6.01		- Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2024, 2025.
81	6	6.1	6.1.01		- Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp năm 2024, 2025. - Kế hoạch tuyển sinh các năm 2024, 2025. - Thông báo tuyển sinh năm 2024, 2025. - Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa cho học sinh K26,27.
82			6.1.02		- Quyết định ban hành quy chế đào tạo theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp; - Quy chế công tác học sinh.
83		6.2	6.2.01		- Hồ sơ miễn học phí đối với học sinh khóa 25, 26, 27 (Quyết định miễn học phí kèm theo danh sách, chứng từ chi miễn học phí)
84			6.2.02		- Quyết định ban hành Quy chế xét, cấp học bổng khuyến khích học tập
85		6.3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức văn nghệ, thể thao năm 2024, 2025;
86			6.3.02		Hình ảnh các hoạt động chào mừng các ngày lễ

87			6.3.03		Hợp đồng giáo viên chủ nhiệm năm 2024, 2025
88			6.3.04		- Quyết định về việc thành lập Ban công tác học sinh - Quyết định phân công Ban cán sự lớp năm 2024, 2025
89			6.3.05		Danh sách Ban chấp hành Đoàn Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng
90			6.3.06		Hình ảnh tuyên truyền và tham gia thể thao văn nghệ của học sinh
91			6.3.07		- Báo cáo đánh giá công tác HS các năm học 2023 - 2024, 2024-2025. - Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm học 2024, 2025. - Hồ sơ khảo sát các năm 2024, 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát.
93		7.1	7.1.01		- Hồ sơ thẩm định xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2025.
94			7.1.02		- Quyết định ban hành CTĐT năm 2017; - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023, 2024, 2025
95		7.2	7.2.01		- Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 21/5/2006; Hồ sơ kỹ thuật nhà đất: Số 05024 GH/2018-HSKT ngày 03/5/2018. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng: Số 01/NTHT_BGĐVSD ngày 01/11/2022. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp năm 2003.)
96	7		7.2.02		- Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 11/12/2014 - Phiếu kiểm định nước năm 2024, 2025
97			7.2.03		- Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2024, 2025
98			7.2.04		- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025
99			7.2.05		- Nội quy phòng học Lý thuyết, Thực hành, Tin học, Tiếng Anh.
101		7.4	7.4.01		- Hồ sơ thẩm định xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2025. - Biên bản của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2025, Quyết định ban hành giáo trình đào tạo. - Bản in giáo trình đào tạo chỉnh sửa bổ sung (năm 2025).

ĐÀO TẠO

102		7.5	7.5.01		- Hồ sơ xét và công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025. - Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm 2024, 2025.
103			7.6.01		- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa bổ sung, thẩm định và ban hành CTĐT các nghề trình độ trung cấp 2024, 2025;
104		7.6	7.6.02		- Mẫu phiếu Phiếu khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng. - Hồ sơ khảo sát các năm 2024, 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
105		7.7	7.7.01		- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025 - Hồ sơ khảo sát các năm 2024, 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)